

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~117~~20/BTC-QLCS

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2022

V/v Lấy ý kiến về dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

Kính gửi:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/04/2022 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, Bộ Tài chính đã dự thảo Tờ trình Chính phủ và dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân (Nghị định thay thế Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân).

Thực hiện quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đề nghị Quý cơ quan nghiên cứu, có ý kiến tham gia bằng văn bản và gửi về Bộ Tài chính (Cục Quản lý công sản) trước ngày 30/11/2022 để tổng hợp, hoàn thiện dự thảo Nghị định, trình cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành.

(Dự thảo Tờ trình Chính phủ và dự thảo Nghị định gửi kèm theo Công văn này được đăng tải tại website: mof.gov.vn và taisancong.vn)

Ngoài ý kiến tham gia bằng văn bản, đề nghị Quý cơ quan gửi ý kiến tham gia bằng file mềm về địa chỉ email: trinhthuhien@mof.gov.vn; ĐT liên hệ: 024.22202828 máy lẻ 5127.

Mong nhận được sự quan tâm, phối hợp của Quý cơ quan. / *znh*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Hồ Đức Phớc (để báo cáo);
- TCT, TCHQ, KBNN;
- Các Cục: TCDN, CĐKT&KT, QLGS, KHTC;
- Các Vụ: PC, NSNN, CST, HCSN;
- Lưu: VT, QLCS (05) *TH*

KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Đức Chi

Số: /TTr -BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị định của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

Kính gửi: Chính phủ

Căn cứ quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung năm 2020, thực hiện chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ năm 2022, Bộ Tài chính đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng dự thảo Nghị định quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân (sau đây gọi là dự thảo Nghị định). Bộ Tài chính xin báo cáo Chính phủ những vấn đề cơ bản của dự thảo Nghị định như sau:

A. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 13 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 quy định Chính phủ có trách nhiệm quy định chi tiết về thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 106 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

Nghị định số 29/2018/NĐ-CP được ban hành là cơ sở pháp lý quan trọng trong việc thực hiện xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân. Sau hơn 3 năm thực hiện, Bộ Tài chính đã có Công văn số 1067/BTC-QLCS ngày 06/9/2021 đề nghị các Bộ, ngành, địa phương báo cáo tình hình thực hiện Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ. Qua thực hiện rà soát các quy định tại Nghị định số 29/2018/NĐ-CP và tổng hợp các phản ánh, kiến nghị của một số bộ, ngành, địa phương, cho thấy việc triển khai thực hiện văn bản nêu trên tại các Bộ, ngành, địa phương đã thu được những kết quả ban đầu, song vẫn còn tồn tại, vướng mắc trong tổ chức thực hiện Nghị định như:

(i) Phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 29/2018/NĐ-CP là rất rộng, bao gồm rất nhiều loại tài sản khác nhau như: (i) Tài sản bị tịch thu theo quy định của pháp luật (Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu, vật chứng

vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu); (ii) Tài sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, tài sản không có người nhận thừa kế thuộc về Nhà nước theo quy định của Bộ luật dân sự; hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan; (iii) Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện bị giải thể; (iv) Tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước; (v) Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động; (vi) Tài sản được đầu tư theo hình thức đối tác công tư; (vii) Tài sản bị chôn giấu, bị vùi lấp, chìm đắm.

Do đó, việc tại Nghị định số 29/2018/NĐ-CP quy định chung một trình tự, thủ tục lập, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản dẫn đến một số vướng mắc, không phù hợp đối với một số loại tài sản.

(ii) Trình tự, thủ tục lập, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản tại Nghị định số 29/2018/NĐ-CP chưa phù hợp với thực tiễn của một số lĩnh vực có khối lượng phát sinh rất lớn như: quản lý thị trường, hải quan, công an, cảnh sát biển, bộ đội biên phòng... Đồng thời, cũng tại Nghị định số 29/2018/NĐ-CP chưa quy định cụ thể về thủ tục hành chính, hồ sơ khi lập, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản (nội dung này đang được quy định tại Thông tư số 57/2018/TT-BTC).

(iii) Quy định về thẩm quyền thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trên cơ sở giá trị tài sản là không phù hợp, dẫn đến phát sinh vướng mắc trong thực hiện. Cụ thể:

Theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP thì Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản. Tuy nhiên, việc xác định thế nào là “đơn vị tài sản” để xác định thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý là rất khó khăn đối với một số loại hàng hóa như: xăng dầu, thực phẩm, khẩu trang, hàng tiêu dùng.... của một vụ việc xử lý vi phạm hành chính mà tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu. Việc quy định phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý theo mức giá trị tài sản như quy định tại Nghị định số 29/2018/NĐ-CP là không còn phù hợp.

(iv) Một số loại tài sản có vướng mắc trong xác lập sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý một số loại tài sản được xác lập sở hữu toàn dân, như:

- *Đối với tài sản được đầu tư theo hình thức đối tác công tư được chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án:*

Tại Điều 16 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP quy định về trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án theo hình thức đối tác công tư. Tuy nhiên, trong đó quy định một số nội dung về công tác chuẩn bị, bàn giao tài sản cho Nhà nước (như: đăng báo công khai việc chuyển giao tài sản, thủ tục, thời hạn thanh lý hợp đồng, thanh toán các Khoản nợ; Tổ chức giám định chất lượng, giá trị, tình trạng tài sản theo thỏa thuận tại Hợp đồng dự án; Lập danh Mục tài sản chuyển giao; Lập biên bản xác định các hư hại của tài sản (nếu có) để yêu cầu doanh nghiệp dự án thực hiện

việc sửa chữa, bảo trì tài sản; Thực hiện tiếp nhận và ký biên bản nhận chuyển giao tài sản....) đã được quy định tại Điều 80 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

- Đối với tài sản do tổ chức, cá nhân trong nước biếu, tặng, cho, tài trợ:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP thì thành phần Hồ sơ đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản do tổ chức, cá nhân trong nước biếu, tặng, cho, tài trợ phải có Hợp đồng tặng cho tài sản. Tuy nhiên, thực tế, nhiều tài sản do các tổ chức, cá nhân cho tặng nhà nước, đặc biệt là các tổ chức, cá nhân nước ngoài cho tặng thì không lập thành hợp đồng mà chỉ có các văn bản như: Thỏa thuận cho tặng, viện trợ, tài trợ.... Do vậy, quy định phải lập thành Hợp đồng nêu trên gây khó khăn trong thực tế thực hiện.

- Đối với tài sản tịch thu là vàng bạc đá quý, kim loại quý:

Theo quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP thì cơ quan quản lý chuyên ngành (trong trường hợp này là Kho bạc Nhà nước) chịu trách nhiệm việc bảo quản, quản lý và xử lý tài sản là vàng theo quy định của pháp luật có liên quan. Tuy nhiên, tại khoản 5 Điều 20 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP về tổ chức xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thì vàng được xử lý theo hình thức là nộp vào Kho bạc nhà nước. Hiện nay, theo quy định pháp luật ngân sách (Thông tư số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán Ngân sách nhà nước và nghiệp vụ kho bạc) thì Kho bạc chỉ hạch toán nộp ngân sách với tiền đồng Việt Nam, đối với việc xử lý vàng, kim loại quý chưa có hướng dẫn trong việc xử lý để Kho bạc các tỉnh thực hiện bán, nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với tài sản tịch thu là ngoại tệ: Theo quy định hiện hành đối với tài sản là ngoại tệ thì thực hiện bán cho Ngân hàng Nhà nước. Tuy nhiên, đối với ngoại tệ không phải là ngoại tệ tự do chuyển đổi và ngoại tệ không đủ tiêu chuẩn lưu thông thì chi nhánh Ngân hàng Nhà nước thì các địa phương không thực hiện mua và số ngoại tệ này đang lưu giữ, bảo quản tại KBNN. Về vấn đề này, Ngân hàng Nhà nước đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Tài chính nghiên cứu xử lý.

- Đối với tài sản quý hiếm tài sản là bộ phận (mẫu vật) của động vật rừng quý hiếm:

Theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 17 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP và Thông tư số 57/2018/TT-BTC thì tài sản là bộ phận (mẫu vật) của động vật rừng quý hiếm thuộc nhóm IB được chuyển giao cho cơ quan chuyên ngành (cơ quan dự trữ Nhà nước) để bảo quản.

Theo quy định tại Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước CITES và Công ước CITES thì tài sản thuộc Nhóm IB tại Danh mục kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP thuộc danh mục tài sản cấm sử dụng vào mục đích thương mại.

Vấn đề này, Bộ Tài chính đã có văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo hướng đối với tài sản là bộ phận (mẫu vật) của động vật rừng quý hiếm thuộc

nhóm IB hoặc không thuộc nhóm IB nhưng thuộc Phụ lục I Công ước CITES thì không tiếp tục thực hiện chuyển giao cho cơ quan chuyên ngành (cơ quan dự trữ Nhà nước) để bảo quản mà được thực hiện xử lý theo hình thức tiêu hủy.

(v) Về quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản

a) Theo quy định tại Nghị định số 29/2018/NĐ-CP, Thông tư số 57/2018/TT-BTC thì số tiền thu được từ việc xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước do cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công sau đây làm chủ tài khoản:

- Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công thuộc Bộ Tài chính đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt phương án xử lý tài sản;

- Sở Tài chính đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân do người có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh phê duyệt phương án xử lý và tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc trung ương phê duyệt phương án xử lý tài sản, trừ các tài sản quy định tại Điểm a Khoản này;

- Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân do người có thẩm quyền thuộc cấp huyện, cấp xã phê duyệt phương án xử lý tài sản.

Thực tế, theo phản ánh thì quy định nêu trên dẫn đến khó khăn trong việc thanh toán chi phí đối với tài sản xác lập sở hữu toàn dân do trung ương phê duyệt phương án xử lý: (i) Không biết phải nộp vào tài khoản tạm giữ của Sở Tài chính nơi xử lý tài sản hay là Sở Tài chính nơi đặt trụ sở của cơ quan phê duyệt phương án xử lý tài sản; (ii) Thời gian thanh toán chi phí kéo dài.

b) Về thanh toán chi phí đối với các chi phí phát sinh trong thời gian tạm giữ (trước khi có quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân).

Theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP thì việc thanh toán chi phí vận chuyển, giao nhận, bảo quản được thực hiện từ khi có quyết định tạm giữ hoặc quyết định tịch thu đến khi hoàn thành việc xử lý tang vật, phương tiện bị tịch thu do vi phạm hành chính.

Tuy nhiên, đối với các tài sản khác (vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu; tài sản của vụ việc vi phạm hành chính chuyển sang xử lý hình sự bị tịch thu; các tài sản khác được xác lập quyền sở hữu toàn dân) thì tại Nghị định 29/2018/NĐ-CP chưa có quy định cho phép thanh toán các chi phí phát sinh trước thời điểm có quyết định tịch thu hoặc xác lập sở hữu toàn dân về tài sản.

Từ thực tế trên, việc sửa đổi Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích

Việc xây dựng Nghị định nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý, bổ sung các quy định về các vấn đề chưa có quy định điều chỉnh, giải quyết các vướng mắc

phát sinh trong thực tiễn để tăng cường công tác quản lý, sử dụng tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

2. Quan điểm xây dựng Nghị định

Thứ nhất, các nội dung sửa đổi, bổ sung phải phù hợp với các quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; đồng thời, giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn trong thời gian vừa qua.

Thứ hai, các nội dung sửa đổi, bổ sung phải đồng bộ với các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công đã được Chính phủ ban hành.

Thứ ba, cải cách thủ tục hành chính, tăng cường phân cấp thẩm quyền, cắt giảm các thủ tục hành chính không cần thiết trong việc quản lý, sử dụng, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Bộ Tài chính đã tổ chức đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để làm cơ sở đề xuất các nội dung cần sửa đổi, bổ sung.

2. Căn cứ Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ năm 2022, quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và văn bản cử cán bộ tham gia của các đơn vị liên quan, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số..... thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập Nghị định của Chính phủ thay thế Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

3. Bộ Tài chính gửi lấy ý kiến chính thức bằng văn bản của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Văn phòng Trung ương Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các Tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đăng tải dự thảo trên Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ Tài chính và Trang Thông tin về tài sản công để lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cá nhân.

4. Bộ Tài chính tổ chức Hội nghị lấy ý kiến trực tiếp của một số Bộ, ngành và tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

5. Trên cơ sở tổng hợp ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, địa phương, Bộ Tài chính đã hoàn thiện dự thảo gửi lấy ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

IV. NỘI DUNG CỦA NGHỊ ĐỊNH

1. Về đối tượng, phạm vi (Điều 1, Điều 2)

Tại Điều 1, Điều 2 dự thảo Nghị định quy định phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng trên cơ sở kế thừa quy định tại Nghị định số 29/2018/NĐ-CP; đồng thời, rà soát, bổ sung một số loại tài sản thuộc đối tượng xác lập sở hữu toàn dân nhưng chưa được quy định tại Nghị định số 29/2018/NĐ-CP, gồm:

- Tài sản thuộc về nhà nước theo quy định tại Khoản 4 Điều 218 Bộ Luật Dân sự (Cụ thể: Một trong các chủ sở hữu chung đối với bất động sản từ bỏ phần

quyền sở hữu của mình hoặc khi người này chết mà không có người thừa kế thì phần quyền sở hữu đó thuộc về Nhà nước, trừ trường hợp sở hữu chung của cộng đồng thì thuộc sở hữu chung của các chủ sở hữu còn lại);

- Tài sản là hàng tạm gửi hành lý hải quan không nhận lại quy định tại khoản 6 Điều 59 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 27/01/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan (Cụ thể: Trong thời hạn tạm gửi hành lý, nếu người xuất cảnh, nhập cảnh có văn bản từ bỏ hành lý tạm gửi hoặc quá thời hạn tạm gửi hành lý nhưng người xuất cảnh, nhập cảnh không nhận lại, thì bị xử lý theo quy định của pháp luật. Tiền thu được từ việc thanh lý hàng hóa được nộp vào ngân sách nhà nước sau khi trừ đi các chi phí phát sinh theo quy định của pháp luật).

2. Về nguyên tắc xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân (Điều 3)

Tại Điều 3 dự thảo Nghị định quy định nguyên tắc xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân là trên cơ sở kế thừa các nguyên tắc quy định tại Nghị định số 29/2018/NĐ-CP; đồng thời, có bổ sung một số nguyên tắc sau:

- Tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân và được xử lý theo hình thức giao, điều chuyển thì việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản sau khi tiếp nhận được thực hiện theo quy định khác của pháp luật có liên quan; không quản lý, xử lý theo Nghị định này.

- Trường hợp trong điều ước quốc tế do nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc là thành viên có quy định về việc xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

- Việc phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được thực hiện bằng hình thức Quyết định.

- Việc xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu được thực hiện đối với tài sản của từng vụ việc. Trường hợp giá trị tài sản của một vụ việc dưới 100 triệu đồng/01 vụ việc thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản có thể tổng hợp tài sản của nhiều vụ việc để xử lý một lần nhưng thời hạn xử lý tối đa không quá 06 tháng kể từ ngày có quyết định tịch thu của cơ quan, người có thẩm quyền.

3. Về đơn vị chủ trì quản lý tài sản và trách nhiệm của đơn vị chủ trì (Điều 4, Điều 5)

Tại Điều 4, Điều 5 dự thảo Nghị định quy định về đơn vị chủ trì quản lý tài sản và trách nhiệm của đơn vị chủ trì là trên cơ sở kế thừa quy định tại Nghị định số 29/2018/NĐ-CP

4. Về quản lý tài sản bị tịch thu theo quy định của pháp luật (Chương II)

Tại Chương II dự thảo Nghị định quy định về thẩm quyền, hình thức xử lý, trình tự, thủ tục lập, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu và vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu; trong đó:

(i) Về thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản

- Bộ quy định về thẩm quyền của Bộ Tài chính phê duyệt phương án xử lý tài sản có giá trị từ 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc trung ương quyết định tịch thu (thẩm quyền này do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định hoặc phân cấp quyết định phê duyệt phương án).

- Quy định thủ trưởng đơn vị chủ trì quản lý tài sản có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý đối với: Tang vật vi phạm hành chính là hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng; Tài sản là tiền Việt Nam, ngoại tệ xử lý theo hình thức nộp ngân sách nhà nước; Tài sản xử lý theo hình thức tiêu hủy.

(ii) Về trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản

- Trường hợp việc phê duyệt phương án xử lý tài sản thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, cơ quan quản lý tài sản công quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (đối với tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc Trung ương quản lý ra quyết định tịch thu) hoặc Sở Tài chính (đối với tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc địa phương quản lý ra quyết định tịch thu) có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản, báo cáo Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

- Trường hợp việc phê duyệt phương án xử lý tài sản thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cơ quan quản lý tài sản công quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản.

- Trường hợp việc phê duyệt phương án xử lý tài sản thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương, cơ quan quản lý tài sản công quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản. Trường hợp Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản thì cơ quan quản lý tài sản công của Bộ, cơ quan Trung ương được ủy quyền cho đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập phương án xử lý tài sản.

- Trường hợp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản thực hiện theo phân cấp của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh:

+ Trường hợp Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan quản lý tài sản công cấp tỉnh (Sở Tài chính) có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản.

+ Trường hợp Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan quản lý tài sản công cấp huyện (Phòng Tài chính- Kế hoạch) có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản.

+ Các trường hợp phân cấp không thuộc trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản này thì Sở Tài chính, Phòng Tài chính – Kế hoạch được ủy quyền cho đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập phương án xử lý tài sản.

- Trường hợp việc phê duyệt phương án xử lý tài sản thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng đơn vị chủ trì quản lý tài sản, đơn vị chủ trì quản lý tài sản có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản.

(iii) Về tổ chức thực hiện phương án xử lý

Quy định cụ thể việc tổ chức thực hiện đối với từng hình thức xử lý tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt: giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành quản lý, xử lý; giao hoặc điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp quản lý, sử dụng; bán; tiêu hủy; nộp ngân sách nhà nước.

5. Về xác lập sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý tài sản xác lập sở hữu toàn dân đối với các tài sản khác (Chương III, IV, V, VI, VII, VIII)

Tại Chương III quy định về trình tự, thủ tục, thẩm quyền quyết định xác lập sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý tài sản xác lập sở hữu toàn dân cụ thể đối với từng loại tài sản phải ban hành Quyết định xác lập sở hữu toàn dân về tài sản là trên cơ sở kế thừa quy định tại Nghị định số 29/2018/NĐ-CP, gồm:

- Tài sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, tài sản không có người nhận thừa kế thuộc về Nhà nước theo quy định của Bộ luật dân sự; hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan (Chương III)

- Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện bị giải thể (Chương IV)

- Tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước (Chương V);

- Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động (Chương VI)

- Tài sản được đầu tư theo hình thức đối tác công tư (Chương VII)

- Tài sản bị chôn giấu, bị vùi lấp, chìm đắm (Chương VIII)

6. Về quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản xác lập sở hữu toàn dân (Chương IX)

Tại Chương IX quy định cụ thể về chế độ tài chính trong xử lý tài sản xác lập sở hữu toàn dân trên cơ sở kế thừa quy định tại Nghị định số 29/2018/NĐ-CP; trong đó quy định cụ thể:

(i) Về thanh toán chi phí trong thời gian tạm giữ: Quy định cho phép thanh toán một số chi phí bảo quản tài sản phát sinh trước thời điểm có quyết định tịch thu hoặc xác lập sở hữu toàn dân về tài sản từ khoản thu được từ xử lý tài sản hoặc bố trí từ dự toán NSNN

(ii) Về chủ tài khoản tạm giữ nộp số tiền thu được từ xử lý tài sản:

- Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công thuộc Bộ Tài chính đối với tài sản do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án xử lý tài sản;

- Sở Tài chính nơi xử lý tài sản đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân do người có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh phê duyệt phương án xử lý và

tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc trung ương phê duyệt phương án xử lý tài sản, trừ các tài sản quy định tại điểm a khoản này;

- Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện nơi xử lý tài sản đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân do người có thẩm quyền thuộc cấp huyện, cấp xã phê duyệt phương án xử lý tài sản.

7. Về chế độ báo cáo và cơ sở dữ liệu về tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân (Chương X)

Tại Chương X quy định chế độ báo cáo và cơ sở dữ liệu về tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân là trên cơ sở kế thừa quy định tại Nghị định số 29/2018/NĐ-CP.

8. Về xử lý chuyên tiếp

Tại Điều 90 dự thảo Nghị định có quy định một số nội dung xử lý chuyên tiếp sau khi Nghị định này được Chính phủ ban hành, có hiệu lực thi hành, cụ thể:

- Đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, nhưng chưa được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý thì thực hiện việc quản lý, xử lý theo quy định tại Nghị định này. Trường hợp tài sản đã có quyết định phê duyệt phương án xử lý trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa hoàn thành việc xử lý thì tiếp tục xử lý và quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản theo quy định tại Nghị định này.

- Đối với tài sản là vàng, bạc, đá quý, kim loại quý đã tạm bàn giao cho Kho bạc Nhà nước để bảo quản thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập phương án xử lý bán đấu giá, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Nghị định này và tổ chức thực hiện bán để nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

Trường hợp tài sản là vàng, bạc, đá quý, kim loại quý đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý là chuyển giao cho Kho bạc Nhà nước để bảo quản theo quy định tại Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ thì Kho bạc Nhà nước tổ chức thực hiện bán đấu giá để nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

VI. VỀ Ý KIẾN CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

VII. VỀ Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP

Trên đây là nội dung của Nghị định của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân *(đính kèm)*.

Kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- VPCP;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, Cục QLCS.

BỘ TRƯỞNG

Hồ Đức Phóc

Số: /2022/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý
đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Bộ luật dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

*Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012 và Luật
sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng
11 năm 2020;*

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu
toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về:

a) Việc xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản quy định tại các
điểm b, c, d, đ và e khoản 2 Điều này và tài sản quy định tại điểm;

b) Xử lý tài sản ~~được xác lập quyền sở hữu toàn dân~~ quy định tại khoản 2
Điều này *sau khi được xác lập quyền sở hữu toàn dân*.

2. Tài sản thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này gồm:

a) Tài sản bị tịch thu theo quy định của pháp luật, gồm:

- Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu.

- Vật chứng vụ án, tài sản khác bị tịch thu theo quy định của pháp luật về
hình sự, pháp luật về tố tụng hình sự (sau đây gọi là vật chứng vụ án, tài sản của
người bị kết án bị tịch thu).

b) Tài sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh
rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, tài sản
không có người nhận thừa kế thuộc về Nhà nước theo quy định của Bộ luật dân
sự; hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của pháp
luật về hải quan, gồm:

- Bất động sản vô chủ hoặc không xác định được chủ sở hữu ~~được xác lập
quyền sở hữu toàn dân~~ (sau đây gọi là bất động sản vô chủ).

- Tài sản bị đánh rơi, bỏ quên không xác định được chủ sở hữu hoặc chủ sở hữu không đến nhận được ~~xác lập quyền sở hữu toàn dân~~ (sau đây gọi là tài sản bị đánh rơi, bỏ quên).

- Tài sản bị chôn giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được phát hiện hoặc tìm thấy thuộc đất liền, các hải đảo và vùng biển Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán mà tại thời điểm phát hiện hoặc tìm thấy không có hoặc không xác định được chủ sở hữu theo quy định của pháp luật (sau đây gọi là tài sản bị chôn giấu, bị vùi lấp, chìm đắm).

- Tài sản là di sản không có người thừa kế theo di chúc, theo pháp luật hoặc có người thừa kế nhưng không được quyền hưởng di sản, từ chối nhận di sản *theo quy định tại Điều 622 Bộ Luật Dân sự*, tài sản hết thời hiệu yêu cầu chia di sản kể từ thời điểm mở thừa kế nhưng ~~mà không có người chiếm hữu~~ theo quy định tại *điểm b khoản 1 Điều 623 Bộ Luật Dân sự* ~~pháp luật về dân sự và;~~ phần quyền sở hữu bất động sản *khi một trong các chủ sở hữu chung đối với bất động sản từ bỏ phần quyền sở hữu của mình hoặc khi người này chết mà không có người thừa kế* ~~thuộc về nhà nước~~ theo quy định tại khoản 4 Điều 218 Bộ Luật Dân sự¹ (sau đây gọi là di sản không người thừa kế).

- Tài sản là hàng hóa tồn đọng *thuộc địa bàn hoạt động hai quan* ~~theo quy định của pháp luật về hai quan được lưu giữ tại khu vực cảng, kho, bãi thuộc địa bàn hoạt động hải quan hoặc hàng tạm gửi hành lý hải quan nhưng người xuất cảnh, nhập cảnh không nhận lại~~² ~~theo quy định của pháp luật về hải quan~~ (sau đây gọi là hàng hóa tồn đọng).

c) Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện bị giải thể nhưng không có quỹ khác có cùng mục đích hoạt động nhận tài sản chuyển giao hoặc bị giải thể do hoạt động vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội (sau đây gọi là tài sản của quỹ bị giải thể).

d) Tài sản do tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài hiến, biếu, tặng cho, đóng góp, viện trợ, tài trợ và hình thức chuyển giao không bồi hoàn khác cho Nhà nước Việt Nam nhưng không thuộc trường hợp phai hạch toán ngân sách nhà nước theo các quy định của pháp luật có liên quan (sau đây gọi là tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước).

đ) Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động.

e) Tài sản được đầu tư theo Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT), Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh (BTO), Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao - Thuê dịch vụ (BTL), Hợp đồng Xây dựng - Thuê dịch

¹ Một trong các chủ sở hữu chung đối với bất động sản từ bỏ phần quyền sở hữu của mình hoặc khi người này chết mà không có người thừa kế thì phần quyền sở hữu đó thuộc về Nhà nước, trừ trường hợp sở hữu chung của cộng đồng thì thuộc sở hữu chung của các chủ sở hữu còn lại

² Trong thời hạn tạm gửi hành lý quy định tại Khoản 5 Điều này, nếu người xuất cảnh, nhập cảnh có văn bản từ bỏ hành lý tạm gửi hoặc quá thời hạn tạm gửi hành lý nhưng người xuất cảnh, nhập cảnh không nhận lại, thì bị xử lý theo quy định của pháp luật. Tiền thu được từ việc thanh lý hàng hóa được nộp vào ngân sách nhà nước sau khi trừ đi các chi phí phát sinh theo quy định của pháp luật.

vụ - Chuyển giao (BLT) được chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án (sau đây gọi là tài sản được đầu tư theo hình thức đối tác công tư).

3. Tài sản bị chôn giấu, bị vùi lấp, chìm đắm không thuộc phạm vi vùng biển thuộc quyền chủ quyền và quyền tài phán của các quốc gia mà do tổ chức, cá nhân Việt Nam phát hiện hoặc tìm thấy thì áp dụng theo quy định của Điều ước quốc tế về xử lý tài sản bị chôn giấu, bị vùi lấp, chìm đắm mà Việt Nam là thành viên; trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên không có quy định về xử lý tài sản bị chôn giấu, bị vùi lấp, bị chìm đắm thì áp dụng theo quy định tại Nghị định này.

4. Nghị định này không điều chỉnh việc xác lập quyền sở hữu toàn dân và quản lý, xử lý đối với các tài sản sau:

a) Tài sản là nhà đất do Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01 tháng 7 năm 1991 thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết số 23/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003 của Quốc hội khóa 11 và Nghị quyết số 755/2005/QH11 ngày 02 tháng 4 năm 2005 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 11.

b) Tài sản chìm đắm trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 05/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ.

c) Tài sản là tàu bay bị bỏ tại Việt Nam thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 02/2012/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ.

d) Tài sản là công trình điện chuyển giao cho Nhà nước theo quy định của Chính phủ về việc chuyển giao công trình điện là tài sản công sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và quyết định xử lý tài sản được xác lập sở hữu toàn dân.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao chủ trì quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân (sau đây gọi là đơn vị chủ trì quản lý tài sản).

3. Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 19 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (sau đây gọi là cơ quan quản lý tài sản công).

4. Các tổ chức, cá nhân khác liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Việc xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản phải được lập thành văn bản; đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật trên cơ sở bảo vệ quyền lợi của Nhà nước, tôn trọng quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức và cá nhân có liên quan.

2. Việc quản lý nhà nước đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được thực hiện thống nhất, có phân công, phân cấp rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan.

3. Việc xác định giá trị và xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được thực hiện theo ~~cơ chế thị trường~~ quy định của pháp luật về giá, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật khác có liên quan.

4. Việc xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được thực hiện công khai, minh bạch; mọi hành vi vi phạm phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

5. Tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân và đã được xử lý theo hình thức giao, điều chuyển thì việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản sau khi tiếp nhận được thực hiện theo quy định khác của các pháp luật có liên quan; không tiếp tục quản lý, xử lý theo Nghị định này.

6. Trường hợp trong điều ước quốc tế do nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc là thành viên có quy định về việc xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

7. Việc phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được thực hiện bằng hình thức Quyết định.

8. Việc xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu được thực hiện đối với tài sản của từng vụ việc. Trường hợp giá trị tài sản của một vụ việc dưới 100 triệu đồng/01 vụ việc thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản có thể tổng hợp tài sản của nhiều vụ việc để xử lý một lần nhưng thời hạn xử lý tối đa không quá 06 tháng kể từ ngày có quyết định tịch thu của cơ quan, người có thẩm quyền.

Điều 4. Đơn vị chủ trì quản lý tài sản

Cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân (sau đây gọi là đơn vị chủ trì quản lý tài sản) được quy định như sau:

1. Đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu:

a) Cơ quan trình cấp có thẩm quyền ra quyết định tịch thu là đơn vị chủ trì quản lý tài sản trong trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là cấp tỉnh) hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi là cấp huyện) ra quyết định tịch thu là đơn vị chủ trì quản lý tài sản;

b) Cơ quan của người ra quyết định tịch thu là đơn vị chủ trì quản lý tài sản trong các trường hợp còn lại.

2. Đối với vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu theo quy định của pháp luật về hình sự, tố tụng hình sự và đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền, Sở Tài chính là đơn vị chủ trì quản lý đối với tài sản do cơ quan thi hành án cấp tỉnh và cơ quan thi hành án cấp quân khu chuyển giao, Phòng Tài chính Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (sau đây gọi là Phòng Tài chính Kế hoạch) là đơn vị chủ trì quản lý đối với tài sản do cơ quan thi hành án cấp huyện chuyển giao.

3. Đối với vật chứng vụ án do Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát ra quyết định tịch thu, cơ quan đã ra quyết định tịch thu là đơn vị chủ trì quản lý tài sản.

4. Đối với bất động sản vô chủ, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, di sản không có người thừa kế, Sở Tài chính là đơn vị chủ trì quản lý đối với bất động sản, di tích lịch sử - văn hóa, Phòng Tài chính Kế hoạch là đơn vị chủ trì quản lý đối với động sản; trường hợp một vụ việc bao gồm nhiều loại tài sản khác nhau (bất

động sản hoặc di tích lịch sử - văn hóa và động sản) thì Sở Tài chính là đơn vị chủ trì quản lý tài sản.

5. Đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm, Sở Tài chính là đơn vị chủ trì quản lý tài sản.

6. Đối với tài sản của quỹ bị giải thể:

a) Sở Tài chính là đơn vị chủ trì quản lý tài sản đối với tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện được ủy quyền quyết định giải thể.

b) Cơ quan trình Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành quyết định giải thể là đơn vị chủ trì quản lý tài sản đối với tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định giải thể.

7. Đối với hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan, Cục Hải quan là đơn vị chủ trì quản lý tài sản.

8. Đối với tài sản do các tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam mà khi chuyển giao đã xác định cụ thể cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiếp nhận, quản lý, sử dụng tài sản thì cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận, quản lý, sử dụng tài sản là đơn vị chủ trì quản lý tài sản.

9. Đối với tài sản do các tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam mà khi chuyển giao không xác định cụ thể cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiếp nhận, quản lý, sử dụng thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao trách nhiệm chủ trì quản lý tài sản như sau:

a) Đối với tài sản của các dự án do các chuyên gia, nhà thầu, tư vấn nước ngoài thực hiện dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức và nguồn viện trợ không hoàn lại chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam, Ban quản lý dự án là đơn vị chủ trì quản lý tài sản; trường hợp Ban quản lý dự án đã bị giải thể thì cơ quan chủ quản dự án là đơn vị chủ trì quản lý tài sản.

b) Đối với tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng thuộc lĩnh vực quốc phòng, Bộ Quốc phòng hoặc đơn vị được Bộ Quốc phòng phân cấp là đơn vị chủ trì quản lý tài sản.

c) Đối với tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng thuộc lĩnh vực an ninh, Bộ Công an hoặc đơn vị được Bộ Công an phân cấp là đơn vị chủ trì quản lý tài sản.

d) Đối với tài sản không thuộc phạm vi quy định tại các điểm a, b và c khoản này chuyển giao cho Chính phủ, cơ quan quản lý tài sản công thuộc Bộ Tài chính hoặc đơn vị được Bộ Tài chính phân cấp là đơn vị chủ trì quản lý tài sản.

đ) Đối với tài sản không thuộc phạm vi quy định tại các điểm a, b và c khoản này chuyển giao cho chính quyền địa phương, Sở Tài chính là đơn vị chủ trì quản lý tài sản.

10. Đối với tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời gian hoạt động, Sở Tài chính là đơn vị chủ trì quản lý tài sản.

11. Đối với tài sản được đầu tư theo hình thức đối tác công tư được chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án, cơ quan ký hợp đồng đối tác công tư là đơn vị chủ trì quản lý tài sản.

Điều 5. Trách nhiệm của đơn vị chủ trì quản lý tài sản

1. Phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện việc bảo quản tài sản từ khi tiếp nhận đến khi hoàn thành việc xử lý theo phương án đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Lập hồ sơ, trình cơ quan, người có thẩm quyền ban hành quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 2 Điều 1 Nghị định này. Đối với tài sản quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị định này, quyết định tịch thu của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, pháp luật về hình sự, tố tụng hình sự là quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân.

Đối với tài sản quy định tại điểm d khoản 2 Điều 1 Nghị định này, Hợp đồng/Thỏa thuận, văn kiện dự án về việc hiến, biếu, tặng, cho, đóng góp, viện trợ, tài trợ, chuyển giao theo quy định của Bộ Luật Dân sự là văn bản xác lập quyền sở hữu toàn dân; trường hợp không có Hợp đồng/Thỏa thuận, văn kiện theo quy định của Bộ Luật Dân sự, đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập hồ sơ, trình cơ quan, người có thẩm quyền ban hành quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

3. Lập phương án xử lý tài sản theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan quản lý tài sản công lập phương án xử lý tài sản, phê duyệt phương án theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản.

4. Chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

5. Thanh toán các chi phí có liên quan, bao gồm cả phần giá trị tài sản thuộc về tổ chức, cá nhân (nếu có) theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác được quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ XỬ LÝ TÀI SẢN BỊ TỊCH THU THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

MỤC 1

TÀI SẢN LÀ TANG VẬT, PHƯƠNG TIỆN VI PHẠM HÀNH CHÍNH BỊ TỊCH THU

Điều 6. Bảo quản tài sản

1. Đơn vị chủ trì quản lý tài sản có trách nhiệm bảo quản tài sản hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan bảo quản tài sản trong thời gian chờ xử lý, trừ các tài sản được quy định tại khoản 2 Điều này.

Trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản không có kho bãi để bảo quản tài sản hoặc tài sản là máy móc, thiết bị đã cố định, khó tháo dỡ thì được ủy quyền hoặc ký hợp đồng thuê với cơ quan, tổ chức có đủ điều kiện về cơ sở vật chất, kho tàng để bảo quản. Việc ủy quyền hoặc thuê bảo quản tài sản phải được lập thành hợp đồng theo quy định của pháp luật.

2. Các tài sản sau đây được chuyển giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành để bảo quản:

a) Tài sản là bảo vật quốc gia, di vật, cổ vật và vật khác có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa được chuyển giao cho:

- Bảo tàng Lịch sử Quốc gia;
- Bảo tàng nhà nước cấp tỉnh nơi tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

b) Tài sản là vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ, phương tiện đặc chủng và tài sản khác liên quan đến quốc phòng, an ninh do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc các cơ quan khác ra quyết định tịch thu được chuyển giao cho:

- Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- Cơ quan nhà nước được phép sử dụng công cụ hỗ trợ để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

c) Tài sản là gỗ, lâm sản khác thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm không được sử dụng vào mục đích thương mại; động vật rừng còn sống hoặc sau khi được cứu hộ khỏe mạnh được chuyển giao theo quy định pháp luật cho các cơ quan sau:

- Cơ quan Kiểm lâm cấp tỉnh (đối với tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc trung ương, cấp tỉnh quyết định tịch thu) hoặc cơ quan Kiểm lâm cấp huyện (đối với tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp huyện, cấp xã quyết định tịch thu) nơi có tang vật bị tịch thu;
- Vườn thú do Nhà nước quản lý;
- Các cơ sở nghiên cứu khoa học (bao gồm cả cơ sở nghiên cứu nhân giống), giáo dục môi trường, Viện nghiên cứu chuyên ngành;
- Bảo tàng thiên nhiên Việt Nam.

d) Tài sản là động vật thủy sản nguy cấp, quý, hiếm không được sử dụng vào mục đích thương mại được chuyển giao cho:

- Chi cục Kiểm ngư vùng hoặc cơ quan quản lý thủy sản cấp tỉnh hoặc khu bảo tồn để thả lại nơi cư trú đối với động vật thủy sản còn sống;
- Bảo tàng thiên nhiên Việt Nam;
- Các cơ sở nghiên cứu khoa học (bao gồm cả cơ sở nghiên cứu nhân giống, giáo dục, viện nghiên cứu chuyên ngành).

đ) Tài sản là chất phóng xạ, vật liệu hạt nhân, ~~thiết bị bức xạ~~ và thiết bị hạt nhân được chuyển giao cho Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

e) Tài sản là tiền Việt Nam, ngoại tệ, giấy tờ có giá, vàng, bạc, đá quý, kim loại quý được chuyển giao cho Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh (đối với tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc trung ương, cấp tỉnh quyết định tịch thu) hoặc Kho bạc Nhà nước cấp huyện (đối với tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp huyện, cấp xã quyết định tịch thu) để bảo quản, *trường hợp không có Kho bạc Nhà nước cấp huyện trên địa bàn thì chuyển giao cho Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh.*

3. Việc chuyển giao tài sản cho cơ quan quản lý chuyên ngành để bảo quản theo quy định tại khoản 2 Điều này được lập thành Biên bản theo Mẫu số 02-BBBQ tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

4. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn công bố danh mục các cơ sở nghiên cứu khoa học, giáo dục môi trường, viện nghiên cứu chuyên ngành đối với tài sản tại điểm c, điểm d khoản 2 Điều này trên cổng thông tin điện tử về tài sản công, cổng thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và môi trường.

Điều 7. Hình thức xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Giao tài sản cho cơ quan quản lý chuyên ngành quản lý, xử lý đối với tài sản quy định tại khoản 1 Điều 109 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, gồm:

a) Bảo vật quốc gia, di vật, cổ vật và vật khác có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.

b) Vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ, phương tiện đặc chủng và tài sản khác liên quan đến quốc phòng, an ninh.

c) Chất phóng xạ.

d) Gỗ, lâm sản quý hiếm không được sử dụng vào mục đích thương mại.

đ) Giấy tờ có giá không đủ điều kiện chuyển đổi thành tiền.

2. Giao tài sản hoặc điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng.

Việc giao tài sản được áp dụng trong trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiếp nhận tài sản là đơn vị cấp dưới trực tiếp của cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý. Việc điều chuyển tài sản được áp dụng trong các trường hợp còn lại.

Việc giao hoặc điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng phải căn cứ vào tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật và chỉ áp dụng đối với:

a) Nhà, đất;

b) Xe ô tô; xe mô tô, xe gắn máy, máy móc, thiết bị, các tài sản khác có tỷ lệ chất lượng còn lại từ 50% trở lên.

3. Giao hoặc điều chuyển cho đối tượng được giao quản lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng ~~thực hiện~~ theo quy định của Chính phủ về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng.

~~4. Giao hoặc điều chuyển cho doanh nghiệp theo hình thức ghi tăng vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.~~

5. Bán đấu giá; bán trực tiếp (bán chỉ định, bán niêm yết giá).

6. Tiêu hủy đối với các loại tài sản, cụ thể:

a) Tài sản hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng mà không thể xử lý theo hình thức bán.

b) Tài sản không còn khả năng sử dụng hoặc tài sản thuộc danh mục cấm sản xuất, cấm nhập khẩu, cấm kinh doanh và lưu thông theo quy định của pháp luật gồm: Xuất bản phẩm độc hại, ma túy, hàng giả, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người.

c) Tài sản buộc phải tiêu hủy gồm: vật nuôi, cây trồng, động vật hoang dã đã chết, tài sản là bộ phận (mẫu vật) của động vật rừng thuộc loài nguy cấp, quý,

hiếm bị tịch thu mà buộc phải tiêu hủy theo các cam kết đã ký kết của Nhà nước Việt Nam và các tài sản khác buộc phải tiêu hủy.

d) Trường hợp đặc biệt cần xử lý theo hình thức khác đối với tài sản quy định tại các điểm a, b, c khoản này để đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản báo cáo Bộ Tài chính hoặc báo cáo cơ quan cấp trên (nếu có) đề báo cáo Bộ Tài chính xem xét, quyết định xử lý.

7. Nộp vào ngân sách nhà nước đối với tiền Việt Nam, ngoại tệ.

Điều 8. Trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản

1. Trường hợp việc phê duyệt phương án xử lý tài sản thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, cơ quan quản lý tài sản công quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (đối với tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc Trung ương quản lý ra quyết định tịch thu) hoặc Sở Tài chính (đối với tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc địa phương quản lý ra quyết định tịch thu) có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản, báo cáo Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

2. Trường hợp việc phê duyệt phương án xử lý tài sản thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cơ quan quản lý tài sản công quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản.

3. Trường hợp việc phê duyệt phương án xử lý tài sản thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương, cơ quan quản lý tài sản công quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản.

Trường hợp Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản thì cơ quan quản lý tài sản công của Bộ, cơ quan Trung ương được ủy quyền cho đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập phương án xử lý tài sản.

4. Trường hợp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản thực hiện theo phân cấp của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh:

a) Trường hợp Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan quản lý tài sản công cấp tỉnh (Sở Tài chính) có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản.

b) Trường hợp Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan quản lý tài sản công cấp huyện (Phòng Tài chính- Kế hoạch) có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản.

c) Các trường hợp phân cấp không thuộc trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản này thì Sở Tài chính, Phòng Tài chính – Kế hoạch được ủy quyền cho đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập phương án xử lý tài sản.

5. Trường hợp việc phê duyệt phương án xử lý tài sản thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng đơn vị chủ trì quản lý tài sản, đơn vị chủ trì quản lý tài sản có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản.

Điều 9. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản

1. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt:

a) Phương án xử lý đối với tài sản là bảo vật quốc gia, di vật, cổ vật và vật khác có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa, trừ trường hợp luật, pháp lệnh có quy định khác.

b) Giao tài sản cho doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập theo hình thức ghi tăng vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.

~~c) Điều chuyển tài sản cho doanh nghiệp theo hình thức ghi tăng vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.~~

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản xử lý theo hình thức điều chuyển giữa các bộ, cơ quan trung ương, giữa trung ương và địa phương, giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương ra quyết định tịch thu, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều này.

4. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cơ quan địa phương quyết định tịch thu, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều này.

5. Thủ trưởng đơn vị chủ trì quản lý tài sản quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này phê duyệt phương án xử lý đối với:

a) Tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu là hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng.

b) Tài sản là tiền Việt Nam, ngoại tệ xử lý theo hình thức nộp ngân sách nhà nước.

c) Tài sản xử lý theo hình thức tiêu hủy.

d) Tài sản là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu được xử lý theo hình thức giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành quản lý, xử lý.

Điều 10. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản trong trường hợp cơ quan quản lý tài sản công lập phương án xử lý tài sản quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 8 Nghị định này

1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định tịch thu của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, đơn vị chủ trì quản lý tài sản có văn bản đề xuất phương án xử lý tài sản kèm theo hồ sơ về tài sản gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có). Hồ sơ gồm:

Quyết định tịch thu tài sản: 01 bản chính.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao

Trường hợp không có cơ quan quản lý cấp trên thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản gửi hồ sơ trực tiếp tới cơ quan quản lý tài sản công có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản.

2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) có văn bản (kèm theo hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này), gửi cơ quan quản lý tài sản công có thẩm quyền lập phương án xử lý tài sản quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 8 Nghị định này.

Trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản có nhiều cơ quan quản lý cấp trên thì trình lần lượt qua từng cơ quan quản lý cấp trên.

3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan quản lý tài sản công có văn bản kèm bản sao hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, gửi lấy ý kiến cơ quan có liên quan (nếu cần). Hồ sơ gửi lấy ý kiến gồm:

Văn bản lấy ý kiến kèm theo dự thảo phương án xử lý tài sản (phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 01-PAXL quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này): 01 bản chính;

Các hồ sơ nêu tại khoản 1 Điều này: 01 bản sao;

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của cơ quan quản lý tài sản công, các cơ quan có liên quan có trách nhiệm cho ý kiến về phương án xử lý tài sản.

5. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan, cơ quan quản lý tài sản công hoàn thiện phương án xử lý, trình Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị kèm theo phương án xử lý tài sản (phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 01-PAXL quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) trên cơ sở giải trình, tiếp thu ý kiến các cơ quan có liên quan: 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

~~Ý kiến bằng văn bản của Cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp (đối với trường hợp xử lý tài sản theo hình thức giao hoặc điều chuyển cho doanh nghiệp): 01 bản chính;~~

Các hồ sơ nêu tại khoản 3 Điều này: 01 bản sao;

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

6. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền quy định tại khoản 3, 4 Điều 9 Nghị định này hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp.

b) Có văn bản kèm theo hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ để xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp (đối với trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này). Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị kèm theo phương án xử lý tài sản (phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 01-PAXL quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này): 01 bản chính;

Ý kiến của bộ, cơ quan trung ương, địa phương có liên quan: 01 bản chính;

Các hồ sơ nêu tại khoản 5 Điều này: 01 bản sao;

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

c) Có văn bản kèm theo hồ sơ gửi Bộ Tài chính để xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp (đối với trường hợp thuộc

thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định này). Hồ sơ gồm:

Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị kèm theo phương án xử lý tài sản (phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 01-PAXL quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này): 01 bản chính;

Ý kiến các bộ, cơ quan trung ương, địa phương có liên quan: 01 bản chính;

Các hồ sơ nêu tại khoản 5 Điều này: 01 bản sao;

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao

7. Nội dung chủ yếu của Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản:

Thông tin về Quyết định tịch thu (số, ngày, tháng năm, cơ quan ban hành);

Phương án xử lý tài sản: chủng loại, số lượng, chất lượng, nguồn gốc xuất xứ, năm sản xuất, nước sản xuất, giá trị tài sản (*nguyên giá/giá trị đánh giá lại tại thời điểm đề xuất phương án xử lý; trường hợp không xác định được nguyên giá hoặc đánh giá lại giá trị tài sản thì ghi là "không có thông tin về giá trị"*);

Hình thức xử lý tài sản (giao/điều chuyển/thanh lý/bán đấu giá/bán trực tiếp/tiêu hủy/nộp ngân sách).

Thời hạn xử lý;

Trách nhiệm tổ chức thực hiện phương án;

Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản trong trường hợp việc xử lý phát sinh số tiền thu được;

Các nội dung có liên quan khác (nếu có).

Điều 11. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập phương án xử lý tài sản

1. Đối với trường hợp việc lập phương án thuộc trách nhiệm của đơn vị chủ trì quản lý tài sản quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định này và thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản thuộc thẩm của Thủ trưởng đơn vị chủ trì quản lý tài sản quy định tại khoản 5 Điều 9 Nghị định này:

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có Quyết định tịch thu của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật (đối với tài sản là hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng), đơn vị chủ trì quản lý tài sản có văn bản kèm theo hồ sơ xử lý tài sản, trình Thủ trưởng đơn vị chủ trì quản lý tài sản xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị kèm theo dự thảo phương án xử lý tài sản (phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 01-PAXL quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này): 01 bản chính;

Quyết định tịch thu tài sản: 01 bản chính.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định tịch thu của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật (đối với tài sản là tiền Việt nam, ngoại tệ; tài sản đề xuất xử lý theo phương thức tiêu hủy), đơn vị chủ trì quản lý tài sản có văn bản kèm bản sao hồ sơ, gửi lấy ý kiến các cơ quan có liên quan (nếu cần). Hồ sơ gửi lấy ý kiến gồm:

Văn bản lấy ý kiến kèm theo dự thảo phương án xử lý tài sản (phương án

xử lý tài sản theo Mẫu số 01-PAXL quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này): 01 bản chính;

Quyết định tịch thu tài sản: 01 bản sao.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của đơn vị chủ trì quản lý tài sản quy định tại điểm b khoản này, các cơ quan có liên quan có trách nhiệm cho ý kiến về phương án xử lý tài sản.

d) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan quy định tại điểm c khoản này, đơn vị chủ trì quản lý tài sản hoàn thiện phương án xử lý và có văn bản kèm theo hồ sơ, trình Thủ trưởng đơn vị chủ trì quản lý tài sản xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị kèm theo phương án xử lý tài sản (phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 01-PAXL quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) trên cơ sở giải trình, tiếp thu ý kiến các cơ quan có liên quan: 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

Quyết định tịch thu tài sản: 01 bản chính.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

2. Đối với trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản được ủy quyền lập phương án xử lý tài sản quy định tại khoản 3, điểm c khoản 4 Điều 8 Nghị định này để trình cơ quan, người có thẩm quyền được phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 9 Nghị định này:

a) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định tịch thu của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, đơn vị chủ trì quản lý tài sản có văn bản đề xuất phương án xử lý tài sản kèm theo hồ sơ về tài sản gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có). Hồ sơ gồm:

Quyết định tịch thu tài sản: 01 bản chính.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

Trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản có nhiều cơ quan quản lý cấp trên thì trình lần lượt qua từng cơ quan quản lý cấp trên.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan quản lý cấp trên có văn bản gửi lấy ý kiến các cơ quan có liên quan (nếu cần). Hồ sơ gửi lấy ý kiến gồm:

Văn bản lấy ý kiến kèm theo dự thảo phương án xử lý tài sản (phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 01-PAXL quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này): 01 bản chính;

Quyết định tịch thu tài sản: 01 bản sao.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của cơ quan quản lý cấp trên quy định tại điểm b khoản này, các cơ quan có liên quan có trách nhiệm cho ý kiến về phương án xử lý tài sản.

e) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan, cơ quan quản lý cấp trên thực hiện:

Chỉ đạo đơn vị chủ trì quản lý tài sản hoàn thiện phương án xử lý tài sản

Có văn bản đề nghị kèm theo ý kiến của các cơ quan có liên quan và hồ sơ quy định tại điểm b khoản này đã hoàn thiện trình cơ quan được phân cấp thẩm quyền quy định tại khoản 3, 4 Điều 9 Nghị định này xem xét, phê duyệt.

g) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm e khoản này, cơ quan được phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản quy định khoản 3, 4 Điều 9 Nghị định này xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp.

3. Nội dung chủ yếu của Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản: thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 10 Nghị định này.

Điều 12. Tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản

Căn cứ Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 10, Điều 11 Nghị định này, việc thực hiện phương án như sau:

1. Đối với tài sản được phê duyệt phương án giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành quản lý, xử lý:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, đơn vị chủ trì quản lý tài sản thực hiện bàn giao tài sản và các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến tài sản cho cơ quan quản lý chuyên ngành được tiếp nhận. Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành biên bản theo Mẫu số 02-BBBG tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Sau khi tiếp nhận, cơ quan quản lý chuyên ngành có trách nhiệm thực hiện quản lý, xử lý tài sản theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Đối với tài sản được phê duyệt phương án giao hoặc điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp quản lý, sử dụng:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, đơn vị chủ trì quản lý tài sản thực hiện bàn giao tài sản và các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến tài sản cho cơ quan được tiếp nhận. Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành biên bản theo Mẫu số 03-BBGN tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Sau khi tiếp nhận tài sản:

Cơ quan, đơn vị được giao hoặc được điều chuyển tài sản có trách nhiệm hạch toán tăng tài sản, thực hiện việc quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật có liên quan.

Doanh nghiệp có vốn nhà nước được giao hoặc được điều chuyển tài sản có trách nhiệm báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện thủ tục ghi tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; thực hiện việc quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật có liên quan; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 105 Nghị định này.

3. Đối với tài sản là tiền Việt Nam, ngoại tệ:

a) Đối với tiền Việt Nam: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Kho bạc Nhà nước thực hiện hạch toán nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

b) Đối với tài sản là ngoại tệ: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản của cơ quan, người có

thẩm quyền, đơn vị chủ trì quản lý tài sản phối hợp với Kho bạc Nhà nước đang bảo quản, lưu giữ ngoại tệ thực hiện chuyển vào tài khoản ngoại tệ của Kho bạc Nhà nước tại ngân hàng; Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm mua số ngoại tệ trên để chuyển nộp ngân sách nhà nước bằng đồng Việt Nam theo quy định (bao gồm cả ngoại tệ tự do chuyển đổi và ngoại tệ không tự do chuyển đổi). Trường hợp ngoại tệ không đủ tiêu chuẩn lưu thông, Ngân hàng Nhà nước xem xét, xử lý tiêu hủy và thông báo kết quả về Bộ Tài chính.

5. Đối với tài sản được phê duyệt phương án bán, việc tổ chức thực hiện theo quy định tại các Điều 13, 14, 15 và 16 Nghị định này.

6. Đối với tài sản được phê duyệt phương án tiêu hủy, việc tổ chức tiêu hủy thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 30 ngày làm việc, đơn vị chủ trì quản lý tài sản thành lập Hội đồng xử lý đề tiêu hủy. Hội đồng xử lý do người ra quyết định tịch thu hoặc người được uỷ quyền làm Chủ tịch, các thành viên khác gồm: đại diện cơ quan chuyên môn về tài chính cùng cấp hoặc cơ quan chuyên môn về tài chính tại địa bàn thực hiện tiêu hủy tài sản và đại diện các cơ quan chuyên môn liên quan³.

b) Hình thức tiêu hủy và tổ chức thực hiện:

Tùy thuộc vào tính chất, đặc điểm của hàng hoá, vật phẩm và yêu cầu đảm bảo vệ sinh môi trường, việc tiêu hủy được thực hiện theo các hình thức gồm: Sử dụng hóa chất; sử dụng biện pháp cơ học; hủy đốt; hủy chôn; hình thức khác theo quy định của pháp luật;

Việc tiêu hủy tài sản phải được lập biên bản. Nội dung chủ yếu của biên bản gồm có: Căn cứ thực hiện tiêu hủy; thời gian, địa điểm tiêu hủy; thành phần tham gia tiêu hủy; tên, chủng loại, số lượng, hiện trạng của tài sản tại thời điểm tiêu hủy; hình thức tiêu hủy và các nội dung khác có liên quan;

Đối với loại tài sản mà việc tiêu hủy làm ảnh hưởng đến môi trường thì phải được sự chấp thuận và hướng dẫn của cơ quan quản lý môi trường sở tại trước khi tổ chức tiêu hủy.

Đối với tài sản mà tiêu hủy bằng biện pháp cơ học thì sau khi tiêu hủy thì có thể bán dưới dạng phế liệu.

Điều 13. Bán tài sản theo hình thức đấu giá

1. Các tài sản được phê duyệt theo hình thức bán đấu giá thì việc tổ chức bán thực hiện theo quy định tại Điều này. Riêng đối với bán đấu giá tài sản là di vật, cổ vật tại nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định này.

2. Căn cứ Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, đơn vị chủ trì quản lý tài sản có trách nhiệm tổ chức thực hiện bán đấu giá tài sản thuộc phạm vi chủ trì quản lý, trừ trường hợp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện bán đấu giá tài sản cho cơ quan quản lý tài sản công cùng cấp.

3. Xác định giá khởi điểm để đấu giá tài sản:

³ Việc thành lập Hội đồng được quy định tại điểm a khoản 5 Điều 12 Thông tư 57/2018/TT-BTC quy định tiêu hủy với tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu là hàng hóa dễ bị hư hỏng.

a) Giá trị của tang vật, phương tiện vi phạm hành chính được xác định theo quy định tại Điều 60 Luật Xử lý vi phạm hành chính là giá khởi điểm để tổ chức đấu giá, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này.

b) Trong các trường hợp sau đây thì đơn vị tổ chức thực hiện bán tài sản thuê Tổ chức đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá hoặc thành lập Hội đồng xác định giá khởi điểm để xác định giá khởi điểm (trong trường hợp không thuê được Tổ chức đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá) để xác định giá khởi điểm:

Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính khi chuyển giao để đấu giá chưa được xác định giá trị;

Thời điểm dự kiến tổ chức đấu giá vượt quá 60 ngày, kể từ ngày xác định giá trị tang vật vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 60 của Luật Xử lý vi phạm hành chính. Trường hợp khi xác định giá trị tang vật vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 60 Luật Xử lý vi phạm hành chính đã thuê Tổ chức đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá để xác định giá trị tang vật thì thời điểm dự kiến tổ chức đấu giá không vượt quá 06 tháng, kể từ ngày phát hành chứng thư thẩm định giá theo quy định.

Trường hợp chưa vượt quá thời hạn quy định tại điểm b khoản này, nhưng giá trị tang vật đã được xác định theo quy định tại Điều 60 của Luật Xử lý vi phạm hành chính chênh lệch (cao hơn hoặc thấp hơn) từ 10% trở lên so với giá của tài sản cùng loại theo thông báo giá của Sở Tài chính tại thời điểm chuyển giao để đấu giá.

c) Đối với trường hợp thành lập Hội đồng xác định giá khởi điểm thì thành phần của Hội đồng như sau:

Trường hợp cơ quan quản lý tài sản công được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản: Thủ trưởng cơ quan quản lý tài sản công hoặc người uỷ quyền làm Chủ tịch; các thành viên khác gồm: đại diện đơn vị chủ trì quản lý tài sản và đại diện cơ quan chuyên môn liên quan;

Trường hợp cơ quan chủ trì quản lý tài sản được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản: Thủ trưởng đơn vị được giao chủ trì quản lý tài sản hoặc người uỷ quyền làm Chủ tịch; các thành viên khác gồm: đại diện cơ quan chuyên môn về tài chính tại địa bàn nơi xử lý tài sản và đại diện các cơ quan chuyên môn liên quan.

d) Căn cứ kết quả xác định giá khởi điểm quy định tại điểm b, c khoản này, đơn vị được giao tổ chức bán tài sản trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản xem xét, phê duyệt giá khởi điểm để tổ chức thực hiện đấu giá.

4. Đơn vị tổ chức bán tài sản ký hợp đồng đấu giá với tổ chức đấu giá tài sản. Trường hợp không lựa chọn được tổ chức đấu giá tài sản thì đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản thành lập Hội đồng đấu giá tài sản. Thành phần Hội đồng đấu giá tài sản quy định như sau:

a) Trường hợp cơ quan quản lý tài sản công thành lập Hội đồng đấu giá tài sản: Thủ trưởng cơ quan quản lý tài sản công hoặc người uỷ quyền làm Chủ tịch; các thành viên khác gồm: đại diện đơn vị chủ trì quản lý tài sản, đại diện cơ quan tư pháp cùng cấp, đại diện cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định của pháp luật/

b) Trường hợp cơ quan chủ trì quản lý tài sản thành lập Hội đồng đấu giá tài sản: Thủ trưởng đơn vị được giao chủ trì quản lý tài sản hoặc người uỷ quyền làm Chủ tịch; các thành viên khác gồm: đại diện cơ quan chuyên môn về tài chính tại địa bàn nơi xử lý tài sản, đại diện cơ quan tư pháp cùng cấp, đại diện cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định của pháp luật

5. Trình tự, thủ tục đấu giá tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản. Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá phải được gửi cho chủ tài khoản tạm giữ quy định tại Điều 104 Nghị định này. Ưu tiên đấu giá tài sản qua Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công. Thông tin về việc đấu giá tài sản được niêm yết, thông báo công khai theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản và đăng tải trên Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công hoặc Trang thông tin điện tử về tài sản công.

6. Việc xuất hóa đơn bán tài sản thực hiện theo quy định về hóa đơn bán tài sản công.

7. Việc xử lý trong trường hợp đấu giá không thành thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

Điều 14. Bán đấu giá tài sản là di vật, cổ vật tại nước ngoài

1. Căn cứ quyết định phê duyệt phương án xử lý của Thủ tướng Chính phủ, đơn vị được giao tổ chức bán tài sản thực hiện xác định giá khởi điểm và lựa chọn tổ chức ủy thác bán đấu giá tài sản là di vật, cổ vật tại nước ngoài.

2. Về xác định giá khởi điểm để đấu giá

a) Đơn vị được giao tổ chức bán tài sản thuê Tổ chức đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá hoặc thành lập Hội đồng xác định giá khởi điểm theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 13 Nghị định này để xác định giá khởi điểm.

b) Căn cứ kết quả xác định giá khởi điểm tại điểm a khoản này, đơn vị được giao tổ chức bán tài sản trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản xem xét, phê duyệt giá khởi điểm để tổ chức thực hiện đấu giá.

3. Về lựa chọn tổ chức ủy thác bán đấu giá tài sản là di vật, cổ vật tại nước ngoài

a) Đơn vị được giao tổ chức bán tài sản tổ chức lựa chọn tổ chức Việt Nam hoặc nước ngoài để ủy thác bán đấu giá tài sản là di vật, cổ vật tại nước ngoài theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Các tiêu chí để lựa chọn đấu thầu bao gồm một hoặc các tiêu chí sau:

Có kinh nghiệm quốc tế trong lĩnh vực bán đấu giá các tài sản tương tự.

Có phương án tổ chức bán đấu giá có hiệu quả.

Có tỷ lệ (%) chi phí bán đấu giá thấp.

Có phương án xử lý khả thi trong trường hợp di vật, cổ vật đã xuất khẩu ra nước ngoài nhưng không bán được (cam kết mua lại, chịu chi phí vận chuyển số cổ vật, di vật không bán được về Việt Nam v.v...).

Các tiêu chí cần thiết khác.

b) Căn cứ kết quả lựa chọn tổ chức ủy thác bán tài sản là di vật, cổ vật tại nước ngoài theo quy định của pháp luật về đấu thầu; đơn vị chủ trì quản lý tài sản thực hiện ký Hợp đồng ủy thác.

c) Hợp đồng ủy thác bán đấu giá tài sản phải được lập theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế, trường hợp pháp luật Việt Nam không quy định hoặc quy định khác với pháp luật quốc tế thì thực hiện theo pháp luật quốc tế; có cam kết cụ thể, chặt chẽ để ràng buộc trách nhiệm của các bên có liên quan; có quy định về giải quyết tranh chấp. Các công việc được ủy thác bao gồm: Đóng gói, vận chuyển từ Việt Nam ra nước ngoài, vận chuyển từ nơi bảo quản đến nơi bán đấu giá, mua bảo hiểm cho hiện vật mang đi bán đấu giá, bảo quản tài sản tại nước ngoài, quảng bá, tổ chức bán đấu giá, xử lý tài sản trong trường hợp không bán được.

Điều 15. Bán tài sản theo hình thức chỉ định

1. Việc bán tài sản theo hình thức chỉ định được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Tài sản là hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng nhưng còn giá trị sử dụng, gồm: thực phẩm tươi sống, dễ bị ôi thiu, khó bảo quản; hàng hóa dễ cháy, nổ (xăng, gas, dầu, khí hóa lỏng và các chất dễ cháy, nổ khác); thuốc chữa bệnh, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật mà hạn sử dụng còn dưới 60 ngày theo hạn ghi trên bao bì, nhãn hàng; thực phẩm đã qua chế biến và các loại hàng hóa khác mà hạn sử dụng còn dưới 30 ngày theo hạn ghi trên bao bì, nhãn hàng; hàng hóa có tính chất thời vụ (hàng tiêu dùng theo mùa, phục vụ lễ, tết), ~~hàng điện tử (các loại máy tính bảng, điện thoại thông minh) và các loại hàng hoá, vật phẩm khác nếu không xử lý ngay sau khi có quyết định tịch thu sẽ bị hư hỏng, bị mất giá trị, không bán được hoặc hết thời hạn sử dụng.~~ Trong đó, đối với hàng hóa thuộc lĩnh vực kinh doanh có điều kiện như hàng hóa dễ cháy, nổ, các loại thuốc chữa bệnh, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật chỉ được bán cho các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Việc xác định tài sản có thuộc loại mau hỏng hay không tùy thuộc tính chất, đặc điểm, đặc tính của hàng hóa. Trường hợp hàng hóa bình thường, không phức tạp, mất thường có thể nhận biết được thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản xác định; đối với hàng hóa có tính chất phức tạp, phải tiến hành thử nghiệm hoặc lấy mẫu để giám định như hóa chất, các loại thuốc bảo vệ thực vật... thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản có chuyên môn nghiệp vụ xác định theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

b) Tài sản là hàng hóa công kênh, có trọng lượng lớn được chuyên chở trên các phương tiện giao thông đường thủy, đường biển mà việc bốc dỡ tốn kém, chi phí lớn (Dự toán chi phí bốc dỡ chiếm hơn 80% so với giá trị tang vật được xử lý).

c) Tài sản của một vụ việc vi phạm có giá trị dưới 100 triệu đồng, trừ tài sản thuộc điểm a, điểm b khoản này.

2. Đơn vị chủ trì quản lý tài sản là cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản theo hình thức chỉ định.

3. Xác định giá bán:

a) Giá bán hàng hoá, vật phẩm dễ bị hư hỏng do đơn vị chủ trì quản lý tài sản xác định căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 60 Luật Xử lý vi phạm hành chính và chất lượng của hàng hoá, vật phẩm dễ bị hư hỏng để xác định; trường hợp không thể áp dụng được quy định tại khoản 2 Điều 60 Luật Xử lý vi phạm

hành chính thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản phối hợp với cơ quan chuyên môn về tài chính cùng cấp hoặc cơ quan chuyên môn về tài chính tại địa bàn xảy ra hành vi vi phạm (trong trường hợp được cơ quan chuyên môn về tài chính cấp trên ủy quyền hoặc trường hợp người ra quyết định tịch thu thuộc cơ quan không tổ chức theo cấp hành chính) để xác định giá bán của hàng hoá, vật phẩm để bị hư hỏng.

b) Đối với các tài sản còn lại: Thực hiện theo quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 13 Nghị định này.

4. Việc tổ chức thực hiện bán chỉ định thực hiện theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan.

Điều 16. Bán tài sản theo hình thức niêm yết giá

1. Việc bán tài sản theo hình thức niêm yết giá trong các trường hợp sau:

a) Đối với tài sản của một vụ việc vi phạm có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng/vụ việc.

b) Đối với hàng điện tử (các loại máy tính bảng, điện thoại thông minh) và các loại hàng hoá, vật phẩm khác nếu không xử lý ngay sau khi có quyết định tịch thu sẽ bị hư hỏng, bị mất giá trị, không bán được hoặc hết thời hạn sử dụng.

2. Đơn vị chủ trì quản lý tài sản là cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản theo hình thức niêm yết giá.

3. Việc xác định giá niêm yết thực hiện theo quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 13 Nghị định này.

4. Việc tổ chức thực hiện bán niêm yết giá thực hiện theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan.

Điều 17. Quản lý số tiền thu được từ xử lý tài sản

Số tiền thu được từ xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu được quản lý theo quy định tại Điều 104 Nghị định này.

MỤC 2

TÀI SẢN LÀ VẬT CHỨNG VỤ ÁN, TÀI SẢN CỦA NGƯỜI BỊ KẾT ÁN BỊ TỊCH THU

Điều 18. Bảo quản tài sản

1. Đối với vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu đã có quyết định thi hành án thì trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có quyết định thi hành án, cơ quan thi hành án dân sự phải thông báo bằng văn bản và tiến hành chuyển giao vật chứng, tài sản cho đơn vị chủ trì quản lý tài sản quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này để bảo quản tài sản và xử lý theo quy định tại Nghị định này.

2. Việc chuyển giao vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu đã có quyết định thi hành án theo quy định tại khoản 1 Điều này phải có sự tham gia của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự hoặc người được Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ủy quyền, kế toán, thủ kho và đại diện cơ quan chuyên môn về tài chính. Việc chuyển giao tài sản kèm theo hồ sơ về tài sản (quyết định thi hành án, bản án, quyết định hoặc bản sao bản án, quyết định

do cơ quan thi hành án dân sự: bản chính) và được lập thành Biên bản theo Mẫu số... ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Đối với vật chứng vụ án do Cơ quan điều tra quyết định tịch thu (trường hợp vụ án được đình chỉ ở giai đoạn điều tra), Viện Kiểm sát ra quyết định tịch thu (trường hợp vụ án được đình chỉ ở giai đoạn truy tố), việc bảo quản tài sản trong các trường hợp này thực hiện theo quy định của pháp luật về hình sự, pháp luật về tố tụng hình sự.

Điều 19. Hình thức xử lý tài sản

Hình thức xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người kết án bị tịch thu thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định này.

Điều 20. Trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản

1. Trường hợp việc phê duyệt phương án xử lý tài sản thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, Sở Tài chính có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

2. Trường hợp việc phê duyệt phương án xử lý tài sản thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cơ quan quản lý tài sản công quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản.

3. Trường hợp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản thực hiện theo phân cấp của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh:

a) Đối với tài sản của người kết án bị tịch thu và đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền:

Cơ quan quản lý tài sản công cấp tỉnh (Sở Tài chính) có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản đối với tài sản do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phê duyệt.

Cơ quan quản lý tài sản công cấp huyện (Phòng Tài chính- Kế hoạch) có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản đối với tài sản do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt.

b) Đối với tài sản là vật chứng vụ án do cơ quan điều tra, viện kiểm sát nhân dân quyết định tịch thu:

Cơ quan quản lý tài sản công thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công được ủy quyền cho đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập phương án xử lý tài sản để báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 2 Điều 21 Nghị định này.

4. Trường hợp việc phê duyệt phương án xử lý tài sản thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng đơn vị chủ trì quản lý tài sản, đơn vị chủ trì quản lý tài sản có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản.

Điều 21. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản

1. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt:

a) Phương án xử lý đối với tài sản là bảo vật quốc gia, di vật, cổ vật và vật khác có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa, trừ trường hợp luật, pháp lệnh có quy định khác.

b) Giao tài sản cho doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập.

~~e) Điều chuyển tài sản cho doanh nghiệp theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp.~~

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt phương án điều chuyển tài sản giữa các bộ, cơ quan trung ương, giữa trung ương và địa phương, giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

3. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cơ quan địa phương quyết định tịch thu (trừ trường hợp quy định tại điểm a, điểm b, điểm d khoản này) như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản do cơ quan thi hành án cấp tỉnh, thi hành án cấp quân khu chuyển giao; tài sản do cơ quan điều tra cấp Bộ, cấp tỉnh thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, cơ quan điều tra thuộc Viện Kiểm sát nhân dân tối cao quyết định tịch thu; tài sản do Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao thuộc Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát quân sự thuộc Bộ Quốc phòng quyết định tịch thu.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản do cơ quan thi hành án cấp huyện chuyển giao; tài sản do cơ quan điều tra cấp huyện thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng quyết định tịch thu; tài sản do Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện thuộc Viện Kiểm sát nhân dân tối cao quyết định tịch thu.

4. Thủ trưởng đơn vị chủ trì quản lý tài sản quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này phê duyệt phương án xử lý đối với:

a) Tang vật vi phạm hành chính là hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng.

b) Tài sản là tiền Việt Nam, ngoại tệ xử lý theo hình thức nộp ngân sách nhà nước.

c) Tài sản xử lý theo hình thức tiêu hủy.

Điều 22. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản của người kết án bị tịch thu và đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền

1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận bàn giao tài sản từ cơ quan thi hành án; Sở Tài chính (đối với tài sản do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phê duyệt theo thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 2 Điều 21 Nghị định này), Phòng Tài chính- Kế hoạch (đối với tài sản do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt theo thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 2 Điều 21 Nghị định này) của có văn bản kèm theo hồ sơ bản sao gửi lấy ý kiến của cơ quan có liên quan (nếu cần) về dự thảo phương án xử lý tài sản. Hồ sơ gồm:

a) Văn bản kèm theo dự thảo phương án xử lý tài sản (phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 01-PAXL quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này): 01 bản chính

b) Quyết định tịch thu tài sản (Quyết định thi hành án): 01 bản chính.

c) Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao

2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của cơ quan quản lý tài sản công quy định tại khoản 1 Điều này, các cơ quan có liên quan có trách nhiệm cho ý kiến về phương án xử lý tài sản.

3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan, Sở Tài chính (đối với tài sản do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phê duyệt theo thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 2 Điều 18 Nghị định này), Phòng Tài chính- Kế hoạch (đối với tài sản do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt theo thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 2 Điều 18 Nghị định này) hoàn thiện phương án xử lý tài sản trình Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị kèm theo phương án xử lý tài sản (phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 01-PAXL quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) trên cơ sở giải trình, tiếp thu ý kiến các cơ quan có liên quan: 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

~~Ý kiến bằng văn bản của Cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp (đối với trường hợp xử lý tài sản theo hình thức giao hoặc điều chuyển cho doanh nghiệp): 01 bản chính;~~

Các hồ sơ nêu tại khoản 1 Điều này: 01 bản sao;

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền này hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp.

b) Có văn bản kèm theo hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ (đối với trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định này) để xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị kèm theo phương án xử lý tài sản (phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 01-PAXL quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này): 01 bản chính;

Ý kiến của bộ, cơ quan trung ương, địa phương có liên quan: 01 bản chính;

Các hồ sơ nêu tại khoản 5 Điều này: 01 bản sao;

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

c) Có văn bản kèm theo hồ sơ gửi Bộ Tài chính để xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản (đối với trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định này) hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị kèm theo phương án xử lý tài sản (phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 01-PAXL quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này): 01 bản chính;

Ý kiến của bộ, cơ quan trung ương, địa phương có liên quan: 01 bản chính;

Các hồ sơ nêu tại khoản 5 Điều này: 01 bản sao;

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

5. Nội dung chủ yếu của Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 10 Nghị định này.

Điều 23. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ trưởng đơn vị chủ trì quản lý tài sản quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định này.

1. Đối với tài sản là hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có Quyết định tịch thu của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật (đối với tài sản là hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng), đơn vị chủ trì quản lý tài sản có văn bản kèm theo hồ sơ xử lý tài sản, trình Thủ trưởng đơn vị chủ trì quản lý tài sản xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị kèm theo dự thảo phương án xử lý tài sản (phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 01-PAXL quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này): 01 bản chính;

Quyết định tịch thu tài sản: 01 bản chính.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao

2. Đối với tài sản là tiền Việt nam, ngoại tệ, tài sản đề xuất xử lý theo phương thức tiêu hủy

a) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định tịch thu của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, đơn vị chủ trì quản lý tài sản có văn bản kèm bản sao hồ sơ, gửi lấy ý kiến các cơ quan có liên quan (nếu cần). Hồ sơ gửi lấy ý kiến gồm:

Văn bản lấy ý kiến kèm theo dự thảo phương án xử lý tài sản (phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 01-PAXL quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này): 01 bản chính;

Quyết định tịch thu tài sản: 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của đơn vị chủ trì quản lý tài sản quy định tại điểm b khoản này, các cơ quan có liên quan có trách nhiệm cho ý kiến về phương án xử lý tài sản.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan quy định tại điểm c khoản này, đơn vị chủ trì quản lý tài sản hoàn thiện phương án xử lý và có văn bản kèm theo hồ sơ, trình Thủ trưởng đơn vị chủ trì quản lý tài sản xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị kèm theo phương án xử lý tài sản (phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 01-PAXL quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) trên cơ sở giải trình, tiếp thu ý kiến các cơ quan có liên quan: 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

Quyết định tịch thu tài sản: 01 bản chính.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

3. Nội dung chủ yếu của Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 10 Nghị định này.

Điều 24. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản do cơ quan điều tra, viện kiểm sát nhân dân quyết định tịch thu

1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định tịch thu của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, đơn vị chủ trì quản lý tài sản có văn bản đề xuất phương án xử lý tài sản kèm theo hồ sơ về tài sản gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có). Hồ sơ gồm:

Quyết định tịch thu tài sản: 01 bản chính.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

Trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản có nhiều cơ quan quản lý cấp trên thì trình lần lượt qua từng cơ quan quản lý cấp trên.

2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định khoản 1 Điều này, cơ quan quản lý cấp trên có văn bản gửi lấy ý kiến các cơ quan có liên quan (nếu cần). Hồ sơ gửi lấy ý kiến gồm:

Văn bản lấy ý kiến kèm theo dự thảo phương án xử lý tài sản (phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 01-PAXL quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này): 01 bản chính;

Quyết định tịch thu tài sản: 01 bản sao.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của cơ quan quản lý cấp trên quy định khoản 2 Điều này, các cơ quan có liên quan có trách nhiệm cho ý kiến về phương án xử lý tài sản.

4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan, cơ quan quản lý cấp trên hoàn thiện phương án xử lý tài sản trình Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị kèm theo phương án xử lý tài sản (phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 01-PAXL quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) trên cơ sở giải trình, tiếp thu ý kiến các cơ quan có liên quan: 01 bản chính;

b) Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

~~c) Ý kiến bằng văn bản của Cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp (đối với trường hợp xử lý tài sản theo hình thức giao hoặc điều chuyển cho doanh nghiệp): 01 bản chính;~~

d) Các hồ sơ nêu tại khoản 3 Điều này: 01 bản sao;

đ) Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

5. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền này hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp.

b) Có văn bản kèm theo hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ (đối với trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định này) để xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị kèm theo phương án xử lý tài sản (phương án xử lý tài sản

theo Mẫu số 01-PAXL quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này): 01 bản chính;

Ý kiến của bộ, cơ quan trung ương, địa phương có liên quan: 01 bản chính;

Các hồ sơ nêu tại khoản 4 Điều này: 01 bản sao;

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

c) Có văn bản kèm theo hồ sơ gửi Bộ Tài chính để xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản (đối với trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định này) hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị kèm theo phương án xử lý tài sản (phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 01-PAXL quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này): 01 bản chính;

Ý kiến của bộ, cơ quan trung ương, địa phương có liên quan: 01 bản chính;

Các hồ sơ nêu tại khoản 4 Điều này: 01 bản sao;

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

6. Nội dung chủ yếu của Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 10 Nghị định này.

Điều 25. Tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản

Việc tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại các Điều 12, 13, 14, 15, 16 Nghị định này.

Điều 26. Quản lý số tiền thu được từ xử lý tài sản

Số tiền thu được từ xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu được quản lý theo quy định tại Điều 104 Nghị định này.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ TÀI SẢN VÔ CHỦ, TÀI SẢN KHÔNG XÁC ĐỊNH ĐƯỢC CHỦ SỞ HỮU, TÀI SẢN BỊ ĐÁNH RƠI, BỎ QUÊN, DI SẢN KHÔNG NGƯỜI THỪA KẾ

MỤC 1

XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN VỀ TÀI SẢN

Điều 27. Bảo quản tài sản

Đơn vị chủ trì quản lý tài sản quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định này có trách nhiệm bảo quản tài sản từ khi tiếp nhận đến khi hoàn thành việc xử lý theo phương án đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 28. Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản là bất động sản vô chủ; bất động sản không có người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên là di tích lịch sử - văn hóa; tài sản của các vụ việc xử lý quy định tại khoản này bao gồm cả bất động sản hoặc di tích lịch sử - văn hóa và động sản.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, di sản không người thừa kế không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 29. Trình tự, thủ tục quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với bất động sản vô chủ

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành thủ tục xác định chủ sở hữu theo quy định của pháp luật về dân sự mà không xác định được ai là chủ sở hữu của bất động sản, cơ quan đã tiếp nhận thông tin về bất động sản vô chủ (Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an sở tại) có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ gửi Phòng Tài chính Kế hoạch.

Hồ sơ gửi Phòng Tài chính Kế hoạch bao gồm:

a) Báo cáo quá trình xác định chủ sở hữu đối với bất động sản từ khi phát hiện: 01 bản chính.

b) Bảng kê địa điểm, diện tích, hiện trạng bất động sản: 01 bản chính.

c) Các hồ sơ, tài liệu liên quan đến quá trình xác định chủ sở hữu đối với bất động sản (nếu có): 01 bản sao.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, Phòng Tài chính Kế hoạch có trách nhiệm lập Tờ trình kèm theo bản sao hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổng hợp, gửi Sở Tài chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ do Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi, Sở Tài chính có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ của Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản theo Mẫu số 01-QĐXL tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

Điều 30. Trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản bị đánh rơi, bỏ quên

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành thủ tục xác định chủ sở hữu tài sản theo quy định của pháp luật về dân sự, cơ quan đã tiếp nhận thông tin về tài sản bị đánh rơi, bỏ quên (Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an sở tại) có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ gửi Phòng Tài chính Kế hoạch đối với tài sản bị đánh rơi, bỏ quên thuộc về Nhà nước.

Hồ sơ gửi Phòng Tài chính Kế hoạch bao gồm:

a) Báo cáo quá trình xác định chủ sở hữu tài sản từ khi phát hiện; căn cứ xác định tài sản thuộc về Nhà nước: 01 bản chính.

b) Bảng kê chủng loại, số lượng, khối lượng, giá trị, hiện trạng của tài sản: 01 bản chính.

c) Biên bản giao nộp tài sản của người nhặt được hoặc người phát hiện tài sản bị đánh rơi, bỏ quên: 01 bản sao.

d) Các hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc xử lý tài sản (nếu có): 01 bản sao.

2. Đối với tài sản bị đánh rơi, bỏ quên thuộc thẩm quyền quyết định xác lập sở hữu toàn dân về tài sản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, Phòng Tài chính Kế hoạch có trách nhiệm lập Tờ trình kèm theo bản sao hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, ban hành Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

3. Đối với tài sản bị đánh rơi, bỏ quên thuộc thẩm quyền quyết định xác lập sở hữu toàn dân về tài sản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, Phòng Tài chính Kế hoạch có trách nhiệm lập Tờ trình kèm theo bản sao hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện để gửi Sở Tài chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ do Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi, Sở Tài chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản theo Mẫu số 01-QĐXI. tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

Điều 31. Trình tự, thủ tục quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản di sản không có người thừa kế

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản từ chối quyền hưởng di sản của người thừa kế hoặc bản án, quyết định của Tòa án xác định người đó không được quyền hưởng di sản thừa kế theo quy định của pháp luật về dân sự hoặc kể từ ngày hết thời hiệu yêu cầu chia di sản mà không có người chiếm hữu theo quy định của pháp luật dân sự, hoặc văn bản từ bỏ phần quyền sở hữu đối với tài sản sở hữu chung quy định tại khoản 4 Điều 218 Bộ Luật Dân sự, tổ chức hành nghề công chứng hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi mở thừa kế có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ gửi Phòng Tài chính Kế hoạch.

Hồ sơ gửi Phòng Tài chính Kế hoạch bao gồm:

- a) Báo cáo quá trình mở thừa kế đối với di sản: 01 bản chính.
- b) Bảng kê chủng loại, số lượng, khối lượng, hiện trạng của di sản: 01 bản chính.
- c) Các hồ sơ, tài liệu liên quan đến quá trình mở thừa kế, văn bản từ chối quyền hưởng di sản, bản án hoặc quyết định của Tòa án xác định người không được quyền hưởng di sản thừa kế (nếu có): 01 bản sao.
- d) Văn bản từ bỏ phần quyền sở hữu đối với tài sản sở hữu chung quy định tại khoản 4 Điều 218 Bộ Luật Dân sự: 01 bản chính

2. Đối với di sản không có người thừa kế thuộc thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, Phòng Tài chính Kế hoạch có trách nhiệm lập Tờ trình kèm hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

3. Đối với di sản không có người thừa kế thuộc thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, Phòng Tài chính Kế hoạch có trách nhiệm lập Tờ trình kèm bản sao hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổng hợp gửi Sở Tài chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ do Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi, Sở Tài chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản theo Mẫu số 01-QĐXL tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

MỤC 2

XỬ LÝ TÀI SẢN VÔ CHỦ, TÀI SẢN KHÔNG XÁC ĐỊNH ĐƯỢC CHỦ SỞ HỮU, TÀI SẢN BỊ ĐÁNH RƠI, BỎ QUÊN, DI SẢN KHÔNG NGƯỜI THỪA KẾ ĐƯỢC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN

Điều 32. Hình thức xử lý tài sản

1. Giao tài sản cho cơ quan quản lý chuyên ngành quản lý, xử lý đối với tài sản quy định tại khoản 1 Điều 109 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (nếu có).

2. Giao tài sản hoặc điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng. Việc giao, điều chuyển tài sản áp dụng trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này.

~~3. Giao hoặc điều chuyển cho doanh nghiệp theo hình thức ghi tăng vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp~~

4 Bán đấu giá; bán trực tiếp (bán chỉ định, bán niêm yết giá).

5. Nộp vào ngân sách nhà nước đối với tiền Việt Nam, ngoại tệ.

Điều 33. Trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản

1. Sở Tài chính có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản đối với trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo phân cấp của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản đối với trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý cho Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân cấp của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

Điều 34. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản

1. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt:

a) Phương án xử lý đối với tài sản là bảo vật quốc gia, di vật, cổ vật và vật khác có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa, trừ trường hợp luật, pháp lệnh có quy định khác.

b) Giao tài sản cho doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập.

~~c) Điều chuyển tài sản cho doanh nghiệp theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp.~~

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt phương án điều chuyển tài sản giữa các bộ, cơ quan trung ương, giữa trung ương và địa phương, giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều này

Điều 35. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản

1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân; cơ quan có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản quy định tại Điều 29 Nghị định này có văn bản kèm theo bản sao hồ sơ gửi lấy ý kiến của cơ quan có liên quan (nếu cần) về dự thảo phương án xử lý tài sản. Hồ sơ gồm:

Văn bản kèm theo dự thảo phương án xử lý tài sản (phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 01-PAXL quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này): 01 bản chính

Quyết định xác lập sở hữu toàn dân về tài sản: 01 bản sao.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao

2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của cơ quan quản lý tài sản công quy định tại khoản 1 Điều này, các cơ quan có liên quan có trách nhiệm cho ý kiến về phương án xử lý tài sản.

3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan, cơ quan có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản quy định tại Điều 29 Nghị định này hoàn thiện phương án xử lý tài sản trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị kèm theo phương án xử lý tài sản (phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 01-PAXL quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) trên cơ sở giải trình, tiếp thu ý kiến các cơ quan có liên quan: 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

~~Ý kiến bằng văn bản của Cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp (đối với trường hợp xử lý tài sản theo hình thức giao hoặc điều chuyển cho doanh nghiệp)): 01 bản chính;~~

Các hồ sơ nêu tại khoản 1 Điều này: 01 bản sao;

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền này hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp.

b) Có văn bản kèm theo hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ (đối với trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định này) để xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt phương án

xử lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị kèm theo phương án xử lý tài sản (phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 01-PAXL quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này): 01 bản chính;

Ý kiến của bộ, cơ quan trung ương, địa phương có liên quan: 01 bản chính;

Các hồ sơ nêu tại khoản 3 Điều này: 01 bản sao;

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

c) Có văn bản kèm theo hồ sơ gửi Bộ Tài chính để xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản (đối với trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tại khoản 2 Điều 33 Nghị định này) hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị kèm theo phương án xử lý tài sản (phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 01-PAXL quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này): 01 bản chính;

Ý kiến của bộ, cơ quan trung ương, địa phương có liên quan: 01 bản chính;

Các hồ sơ nêu tại khoản 3 Điều này: 01 bản sao;

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

5. Nội dung chủ yếu của Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 10 Nghị định này.

Điều 36. Tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản

Việc tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại các Điều 12, 13, 14, 15, 16 Nghị định này.

Điều 37. Quản lý số tiền thu được từ xử lý tài sản

Số tiền thu được từ xử lý tài sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, di sản không có người thừa kế được quản lý theo quy định tại Điều 104 Nghị định này.

Chương IV

QUY ĐỊNH VỀ TÀI SẢN LÀ HÀNG HÓA TỒN ĐỘNG THUỘC ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG HẢI QUAN

Điều 38. Bảo quản tài sản

Cơ quan hải quan có trách nhiệm bảo quản tài sản là hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan đến khi hoàn thành việc xử lý theo phương án đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 39. Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân

Cục trưởng Cục Hải quan quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan.

Điều 40. Trình tự, thủ tục quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành thủ tục xác định chủ sở hữu theo quy định của pháp luật về hải quan mà không có người đến nhận, cơ quan Hải quan nơi có hàng hóa tồn đọng có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ trình Cục trưởng Cục Hải quan quản lý trực tiếp quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân.

Hồ sơ đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản bao gồm:

- a) Tờ trình đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: 01 bản chính.
- b) Bảng kê chủng loại, số lượng, khối lượng, hiện trạng của tài sản: 01 bản chính.
- c) Các hồ sơ, tài liệu liên quan đến quá trình thông báo về tài sản và các hồ sơ, tài liệu khác (nếu có): 01 bản sao.
- d) Văn bản thông báo từ bỏ hàng hóa hoặc tài liệu chứng minh (nếu có): 01 bản sao.
- đ) Văn bản từ bỏ hành lý tạm gửi hoặc quá thời hạn tạm gửi hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định tại khoản 6 Điều 59 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP (nếu có): 01 bản chính.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại Khoản 1 Điều này, Cục trưởng Cục Hải quan ban hành Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản theo Mẫu số 04-QĐXL tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

Điều 41. Hình thức xử lý tài sản

1. Giao tài sản cho cơ quan quản lý chuyên ngành quản lý, xử lý đối với tài sản quy định tại khoản 1 Điều 109 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (nếu có).

2. Giao tài sản hoặc điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng. Việc giao, điều chuyển tài sản áp dụng trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này.

~~3. Giao hoặc điều chuyển cho doanh nghiệp theo hình thức ghi tăng vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.~~

4. Bán đấu giá; bán trực tiếp (bán chỉ định, bán niêm yết giá).

5. Tiêu hủy đối với các loại tài sản sau:

a) Tài sản hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng mà không thể xử lý theo hình thức bán.

b) Tài sản không còn khả năng sử dụng hoặc tài sản thuộc danh mục cấm sản xuất, kinh doanh và lưu thông theo quy định của pháp luật gồm: Xuất bản phẩm độc hại, ma túy, hàng giả, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người.

c) Tài sản buộc phải tiêu hủy gồm: vật nuôi, cây trồng, động vật hoang dã đã chết, tài sản là bộ phận (mẫu vật) của động vật rừng thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm bị tịch thu mà buộc phải tiêu hủy theo các cam kết đã ký kết của Nhà nước Việt Nam và các tài sản khác buộc phải tiêu hủy.

d) Trường hợp đặc biệt cần xử lý theo hình thức khác đối với tài sản quy định tại các điểm a, b, c khoản này để đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản báo cáo Bộ Tài chính hoặc báo cáo cơ quan cấp trên (nếu có) để báo cáo Bộ Tài chính xem xét, quyết định xử lý.

6. Nộp vào ngân sách nhà nước đối với tiền Việt Nam, ngoại tệ.

Điều 42. Trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản

1. Cơ quan quản lý tài sản công quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản đối với tài sản thuộc thẩm quyền phê duyệt Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định này.

2. Cơ quan quản lý tài sản công thuộc Bộ Tài chính theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản đối với tài sản thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ quy định tại khoản 1 Điều 42 Nghị định này.

Trường hợp Bộ trưởng Bộ Tài chính phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản thì cơ quan quản lý tài sản công thuộc Bộ Tài chính theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công được ủy quyền cho đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập phương án xử lý tài sản.

Điều 43. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản

1. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt:

a) Phương án xử lý đối với tài sản là bảo vật quốc gia, di vật, cổ vật và vật khác có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa, trừ trường hợp luật, pháp lệnh có quy định khác.

b) Giao tài sản cho doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập.

~~c) Điều chuyển tài sản cho doanh nghiệp theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp.~~

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt phương án điều chuyển tài sản giữa các bộ, cơ quan trung ương, giữa trung ương và địa phương, giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan, trừ tài sản thuộc thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 44. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản trong trường hợp cơ quan quản lý tài sản công quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 42 Nghị định này lập phương án

1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định xác lập sở hữu toàn dân về tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, đơn vị chủ trì quản lý tài sản có văn bản đề xuất phương án xử lý tài sản kèm theo hồ sơ về tài sản gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có). Hồ sơ gồm:

Quyết định xác lập sở hữu toàn dân về tài sản: 01 bản chính.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao

Trường hợp không có cơ quan quản lý cấp trên thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản gửi hồ sơ trực tiếp tới cơ quan quản lý tài sản công có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản.

2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) có văn bản (kèm theo hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này), gửi cơ quan quản lý tài sản công có thẩm quyền lập phương án xử lý tài sản.

Trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản có nhiều cơ quan quản lý cấp trên thì trình lần lượt qua từng cơ quan quản lý cấp trên.

3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan quản lý tài sản công có văn bản kèm bản sao hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, gửi lấy ý kiến cơ quan có liên quan (nếu cần). Hồ sơ gửi lấy ý kiến gồm:

Văn bản lấy ý kiến kèm theo dự thảo phương án xử lý tài sản (phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 01-PAXL quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này): 01 bản chính;

Các hồ sơ nêu tại khoản 1 Điều này: 01 bản sao;

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của cơ quan quản lý tài sản công, các cơ quan có liên quan có trách nhiệm cho ý kiến về phương án xử lý tài sản.

5. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan, cơ quan quản lý tài sản công hoàn thiện phương án xử lý, trình Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị kèm theo phương án xử lý tài sản (phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 01-PAXL quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) trên cơ sở giải trình, tiếp thu ý kiến các cơ quan có liên quan: 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

~~Ý kiến bằng văn bản của Cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp (đối với trường hợp xử lý tài sản theo hình thức giao hoặc điều chuyển cho doanh nghiệp): 01 bản chính;~~

Các hồ sơ nêu tại khoản 3 Điều này: 01 bản sao;

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

6. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Tài chính:

a) Xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định này hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp.

b) Có văn bản kèm theo hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ để xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp (đối với trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ quy định tại khoản 1 Điều 42 Nghị định này). Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị kèm theo phương án xử lý tài sản (phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 01-PAXL quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này): 01 bản chính;

Ý kiến của bộ, cơ quan trung ương, địa phương có liên quan: 01 bản chính;

Các hồ sơ nêu tại khoản 5 Điều này: 01 bản sao;

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

7. Nội dung chủ yếu của Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 10 Nghị định này.

Điều 45. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định này lập phương án

1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định xác lập sở hữu toàn dân của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, đơn vị chủ trì quản lý tài sản có văn bản đề xuất phương án xử lý tài sản kèm theo hồ sơ về tài sản gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có). Hồ sơ gồm:

Quyết định tịch thu tài sản: 01 bản chính.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

Trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản có nhiều cơ quan quản lý cấp trên thì trình lần lượt qua từng cơ quan quản lý cấp trên.

2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan quản lý cấp trên có văn bản gửi lấy ý kiến các cơ quan có liên quan (nếu cần). Hồ sơ gửi lấy ý kiến gồm:

Văn bản lấy ý kiến kèm theo dự thảo phương án xử lý tài sản (phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 01-PAXL quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này): 01 bản chính;

Quyết định tịch thu tài sản: 01 bản sao.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của cơ quan quản lý cấp trên quy định tại điểm b khoản này, các cơ quan có liên quan có trách nhiệm cho ý kiến về phương án xử lý tài sản.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan, cơ quan quản lý cấp trên thực hiện:

a) Chỉ đạo đơn vị chủ trì quản lý tài sản hoàn thiện phương án xử lý tài sản

b) Có văn bản đề nghị kèm theo ý kiến của các cơ quan có liên quan và hồ sơ quy định tại điểm b khoản này đã hoàn thiện trình cơ quan được phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản xem xét, phê duyệt.

5. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm e khoản này, cơ quan được phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản này xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp.

3. Nội dung chủ yếu của Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản: thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 10 Nghị định này.

Điều 46. Tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản

1. Đối với tài sản xử lý theo hình thức quy định tại khoản 1, 2, 3, 5 và 6 Điều 41 Nghị định này, việc tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện theo quy định tại các Điều 12 Nghị định này.

2. Đối với tài sản xử lý theo hình thức bán quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định này, việc tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện theo quy định tại Điều 47, Điều 47 Nghị định này.

Điều 47. Bán đấu giá tài sản là hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan

1. Đơn vị chủ trì quản lý tài sản thuê tổ chức có chức năng định giá theo quy định của pháp luật hoặc thành lập Hội đồng để xác định giá khởi điểm để tổ chức bán đấu giá là giá đã bao gồm các loại thuế, phí (nếu có) theo quy định.

2. Việc tổ chức đấu giá, thanh toán tiền, xuất hóa đơn bán tài sản công và bàn giao tài sản cho người mua được thực hiện theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

3. Người mua tài sản là hàng hóa tồn đọng có trách nhiệm thanh toán tiền mua hàng và đưa hàng ra khỏi địa bàn hoạt động hải quan trong thời hạn theo quy định tại Hợp đồng mua bán tài sản nhưng tối đa không quá 15 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng. Sau thời hạn này, nếu người mua tài sản không thanh toán hoặc thanh toán mà không đến nhận, không đưa hàng hóa ra khỏi địa bàn hoạt động hải quan mà không có lý do chính đáng thì xử lý theo Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá và pháp luật về dân sự.

Người mua được tài sản có trách nhiệm thanh toán tiền mua tài sản cho đơn vị chủ trì quản lý tài sản, không phải làm thủ tục nhập khẩu, không phải nộp các loại thuế và lệ phí liên quan đến nhập khẩu.

4. Khi người mua tài sản thanh toán và đưa hàng ra khỏi địa bàn hoạt động hải quan, đơn vị chủ trì quản lý tài sản có trách nhiệm cung cấp bộ chứng từ cho người mua, gồm: Hóa đơn bán tài sản công (01 bản chính), Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá (01 bản chính) và Phiếu xuất kho của đơn vị được giao lưu giữ, bảo quản hàng hóa (01 bản chính).

5. Đơn vị chủ trì quản lý tài sản có trách nhiệm bàn giao tài sản là hàng hóa tồn đọng cho người mua. Doanh nghiệp kinh doanh kho bãi, cảng, doanh nghiệp đại lý, hãng tàu có trách nhiệm phối hợp giao hàng cho người mua hàng hóa tồn đọng và chịu chi phí giao, nhận, bốc dỡ, vận chuyển, bảo quản hàng đến trước thời điểm có quyết định xác lập sở hữu toàn dân về tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền. Cơ quan hải quan chịu trách nhiệm thanh toán chi phí giao, nhận, bốc dỡ, vận chuyển, bảo quản hàng từ thời điểm có quyết định xác lập sở hữu toàn dân về tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền đến thời điểm hoàn thành việc xử lý.

Điều 48. Bán chỉ định hoặc niêm yết giá đối với tài sản là hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan

1. Việc bán tài sản là hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan theo hình thức chỉ định hoặc niêm yết giá được thực hiện đối với hàng hóa là thực phẩm tươi sống, dễ bị ôi thiu, khó bảo quản; hàng hóa, vật phẩm dễ cháy nổ (xăng, gas, dầu, khí hóa lỏng và các chất dễ cháy nổ khác); hàng thực phẩm đã qua chế biến mà hạn sử dụng còn dưới 30 ngày; thuốc chữa bệnh, thuốc thú y mà hạn sử dụng còn dưới 60 ngày; các loại hàng hóa khác nếu không xử lý ngay sẽ bị hư hỏng, bị mất giá trị, hết thời hạn sử dụng; hàng hóa có giá trị dưới 50 triệu đồng/lô hàng hóa do đơn vị chủ trì quản lý tài sản xác định.

2. Đối với tài sản là hàng hóa thuộc lĩnh vực kinh doanh có điều kiện như hàng hóa dễ cháy, nổ, các loại thuốc chữa bệnh, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực

vật chỉ được bán cho các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.

3. Việc bán chỉ định hoặc niêm yết giá được thực hiện theo quy định tại Điều 14, 15 Nghị định này và Điều 26, Điều 27 Nghị định số 151/2017/ND-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan.

4. Khi người mua tài sản thanh toán và đưa hàng ra khỏi địa bàn hoạt động hải quan, đơn vị chủ trì quản lý tài sản có trách nhiệm cung cấp bộ chứng từ cho người mua, gồm: Hóa đơn bán tài sản công (01 bản chính); Hợp đồng mua bán hàng hóa tồn đọng (01 bản chính); Phiếu xuất kho của đơn vị được giao lưu giữ, bảo quản hàng hóa (01 bản chính).

5. Đơn vị chủ trì quản lý tài sản có trách nhiệm bàn giao tài sản là hàng hóa tồn đọng cho người mua. Doanh nghiệp kinh doanh kho bãi, cảng, doanh nghiệp đại lý, hãng tàu có trách nhiệm phối hợp giao hàng cho người mua hàng hóa tồn đọng và chịu chi phí giao, nhận, bốc dỡ, vận chuyển, bảo quản hàng đến trước thời điểm có quyết định xác lập sở hữu toàn dân về tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền. Cơ quan hải quan chịu trách nhiệm thanh toán chi phí giao, nhận, bốc dỡ, vận chuyển, bảo quản hàng từ thời điểm có quyết định xác lập sở hữu toàn dân về tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền đến thời điểm hoàn thành việc xử lý.

Điều 49. Quản lý số tiền thu được từ xử lý tài sản

Số tiền thu được từ xử lý tài sản là hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan được quản lý theo quy định tại Điều 104 Nghị định này.

Chương V

QUY ĐỊNH VỀ TÀI SẢN DO CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TỰ NGUYỆN CHUYỂN GIAO QUYỀN SỞ HỮU CHO NHÀ NƯỚC

Điều 50. Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với:

a) Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam nhưng không xác định cụ thể cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản để sử dụng; trừ các tài sản quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

b) Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam là bất động sản, xe ô tô chuyển giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý theo đề nghị của bộ, cơ quan trung ương; trừ các tài sản quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng thuộc lĩnh vực quốc phòng do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam.

3. Bộ trưởng Bộ Công an quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản đặc biệt, tài sản

chuyên dùng thuộc lĩnh vực an ninh do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam.

4. Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này.

5. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương, trừ các tài sản quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

Điều 51. Trình tự, thủ tục quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản

1. Đối với tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam, đơn vị chủ trì quản lý tài sản căn cứ vào các quy định pháp luật hiện hành và pháp luật chuyên ngành liên quan đến tài sản xác định tính phù hợp của việc tiếp nhận tài sản chuyển giao và phải chịu trách nhiệm về việc xác định của mình.

2. Trường hợp xác định việc tiếp nhận tài sản chuyển giao là phù hợp với quy định của pháp luật thì trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận tài sản, đơn vị chủ trì quản lý tài sản có trách nhiệm lập hồ sơ, gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 50 Nghị định này quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

Hồ sơ đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản bao gồm cả phương án xử lý tài sản: 01 bản chính.

b) Bảng kê chủng loại, số lượng, khối lượng, giá trị (nếu có), hiện trạng của tài sản: 01 bản chính.

c) Hợp đồng tặng cho tài sản trong trường hợp chuyển giao dưới hình thức tặng cho và theo quy định của pháp luật phải lập thành hợp đồng hoặc các văn bản chuyển giao quyền sở hữu: 01 bản sao

d) Các hồ sơ, tài liệu chứng minh quyền sở hữu của tài sản chuyển giao và hình thức chuyển giao (nếu có): 01 bản sao.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 48 Nghị định này ban hành Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản theo Mẫu số 01-QĐXL tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

5. Trường hợp xác định việc chuyển giao tài sản không phù hợp với quy định của pháp luật thì cơ quan, đơn vị được đề nghị tiếp nhận phải từ chối tiếp nhận; trường hợp không từ chối được thì xử lý theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

Điều 52. Hình thức xử lý tài sản

1. Giao tài sản cho cơ quan quản lý chuyên ngành quản lý, xử lý đối với tài sản quy định tại khoản 1 Điều 109 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (nếu có).

2. Giao tài sản hoặc điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng. Việc giao, điều chuyển tài sản trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này.

3. Giao cho đối tượng được giao quản lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng.

~~4. Giao hoặc điều chuyển cho doanh nghiệp theo hình thức ghi tăng vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.~~

5. Bán đấu giá; bán trực tiếp (bán chỉ định, bán niêm yết giá).

6. Nộp vào ngân sách nhà nước đối với tiền Việt Nam, ngoại tệ.

Điều 53. Trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản

1. Trường hợp việc phê duyệt phương án xử lý tài sản thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cơ quan quản lý tài sản công quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản.

2. Trường hợp việc phê duyệt phương án xử lý tài sản thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương, cơ quan quản lý tài sản công quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản.

Trường hợp Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản thì cơ quan quản lý tài sản công của Bộ, cơ quan Trung ương được ủy quyền cho đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập phương án xử lý tài sản.

3. Trường hợp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản thực hiện theo phân cấp của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh:

a) Trường hợp Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan quản lý tài sản công cấp tỉnh (Sở Tài chính) có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản.

b) Trường hợp Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan quản lý tài sản công cấp huyện (Phòng Tài chính- Kế hoạch) có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản.

c) Các trường hợp phân cấp không thuộc trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản này thì Sở Tài chính, Phòng Tài chính – Kế hoạch được ủy quyền cho đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập phương án xử lý tài sản.

Điều 54. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản

Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản quy định tại Điều 50 Nghị định này có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản.

Điều 55. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản trong trường hợp cơ quan quản lý tài sản công lập phương án xử lý tài sản quy định tại Điều 53 Nghị định này

1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định xác lập sở hữu toàn dân về tài sản, đơn vị chủ trì quản lý tài sản có văn bản đề xuất phương án xử lý tài sản kèm theo hồ sơ về tài sản gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có). Hồ sơ gồm:

Quyết định xác lập sở hữu toàn dân về tài sản: 01 bản chính.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao

Trường hợp không có cơ quan quản lý cấp trên thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản gửi hồ sơ trực tiếp tới cơ quan quản lý tài sản công có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản.

2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) có văn bản (kèm theo hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này), gửi cơ quan quản lý tài sản công có thẩm quyền lập phương án xử lý tài sản quy định tại Điều 51 Nghị định này.

Trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản có nhiều cơ quan quản lý cấp trên thì trình lần lượt qua từng cơ quan quản lý cấp trên.

3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan quản lý tài sản công có văn bản kèm bản sao hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, gửi lấy ý kiến cơ quan có liên quan (nếu cần). Hồ sơ gửi lấy ý kiến gồm:

Văn bản lấy ý kiến kèm theo dự thảo phương án xử lý tài sản (phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 01-PAXL quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này): 01 bản chính;

Các hồ sơ nêu tại khoản 1 Điều này: 01 bản sao;

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của cơ quan quản lý tài sản công, các cơ quan có liên quan có trách nhiệm cho ý kiến về phương án xử lý tài sản.

5. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan, cơ quan quản lý tài sản công hoàn thiện phương án xử lý, trình Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị kèm theo phương án xử lý tài sản (phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 01-PAXL quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) trên cơ sở giải trình, tiếp thu ý kiến các cơ quan có liên quan: 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

~~Ý kiến bằng văn bản của Cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp (đối với trường hợp xử lý tài sản theo hình thức giao hoặc điều chuyển cho doanh nghiệp): 01 bản chính;~~

Các hồ sơ nêu tại khoản 3 Điều này: 01 bản sao;

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

6. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 48 Nghị định này xem xét, ban hành Quyết

định phê duyệt phương án xử lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp.

7. Nội dung chủ yếu của Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 10 Nghị định này.

Điều 56. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập phương án xử lý tài sản quy định tại Điều 53 Nghị định này

1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định xác lập sở hữu toàn dân về tài sản, đơn vị chủ trì quản lý tài sản có văn bản đề xuất phương án xử lý tài sản kèm theo hồ sơ về tài sản gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có). Hồ sơ gồm:

Quyết định xác lập sở hữu toàn dân về tài sản: 01 bản chính.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

Trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản có nhiều cơ quan quản lý cấp trên thì trình lần lượt qua từng cơ quan quản lý cấp trên.

2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan quản lý cấp trên có văn bản gửi lấy ý kiến các cơ quan có liên quan (nếu cần). Hồ sơ gửi lấy ý kiến gồm:

Văn bản lấy ý kiến kèm theo dự thảo phương án xử lý tài sản (phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 01-PAXL quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này): 01 bản chính;

Quyết định tịch thu tài sản: 01 bản sao.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của cơ quan quản lý cấp trên quy định tại khoản 2 Điều này, các cơ quan có liên quan có trách nhiệm cho ý kiến về phương án xử lý tài sản.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan, cơ quan quản lý cấp trên thực hiện:

a) Chỉ đạo đơn vị chủ trì quản lý tài sản hoàn thiện phương án xử lý tài sản

b) Có văn bản đề nghị kèm theo ý kiến của các cơ quan có liên quan và hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này đã hoàn thiện trình cơ quan người có được phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản xem xét, phê duyệt.

5. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm b khoản 4 Điều này, cơ quan được phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp.

6. Nội dung chủ yếu của Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản: thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 10 Nghị định này.

Điều 57. Tổ chức thực hiện xử lý tài sản

Việc tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại các Điều 12, 13, 14, 15, 16 Nghị định này.

Điều 58. Quản lý số tiền thu được từ xử lý tài sản

Số tiền thu được từ xử lý tài sản do tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước được quản lý theo quy định tại Điều 104 Nghị định này.

Chương VI

QUY ĐỊNH VỀ TÀI SẢN CỦA QUỸ BỊ GIẢI THỂ

Điều 59. Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định giải thể.

2. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giải thể hoặc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giải thể theo ủy quyền.

Điều 60. Trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản

1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định giải thể Quỹ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đơn vị chủ trì quản lý tài sản có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản của quỹ bị giải thể. Hồ sơ gồm:

- a) Tờ trình xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: 01 bản chính.
- b) Bảng kê chủng loại, số lượng (khối lượng), giá trị, tình trạng tài sản: 01 bản chính.
- c) Quyết định giải thể của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: 01 bản sao.
- d) Tài liệu khác chứng minh quyền tài sản (nếu có): 01 bản sao.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại Khoản 1 Điều này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 59 Nghị định này ban hành Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản theo Mẫu số 01-QDXL tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

Điều 61. Hình thức xử lý tài sản

1. Giao tài sản cho cơ quan quản lý chuyên ngành quản lý, xử lý đối với tài sản quy định tại khoản 1 Điều 109 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (nếu có).

2. Giao tài sản hoặc điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng. Việc giao, điều chuyển tài sản trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này.

~~3. Giao hoặc điều chuyển cho doanh nghiệp theo hình thức ghi tăng vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.~~

4. Bán đấu giá; bán trực tiếp (bán chỉ định, bán niêm yết giá).

5. Nộp vào ngân sách nhà nước đối với tiền Việt Nam, ngoại tệ.

Điều 62. Trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản

1. Cơ quan quản lý tài sản công của Bộ Nội vụ quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản đối với trường hợp việc phê duyệt phương án xử lý tài sản thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Nội vụ

Trường hợp Bộ trưởng Bộ Nội vụ phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản thì cơ quan quản lý tài sản công của Bộ Nội vụ được ủy quyền cho đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập phương án xử lý tài sản.

2. Trường hợp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản thực hiện theo phân cấp của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh:

a) Trường hợp Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan quản lý tài sản công cấp tỉnh (Sở Tài chính) có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản.

b) Trường hợp Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan quản lý tài sản công cấp huyện (Phòng Tài chính- Kế hoạch) có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản.

c) Các trường hợp phân cấp không thuộc trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản này thì Sở Tài chính, Phòng Tài chính – Kế hoạch được ủy quyền cho đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập phương án xử lý tài sản.

Điều 63. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản

1. Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định giải thể.

2. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giải thể hoặc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giải thể theo ủy quyền.

Điều 64. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản trong trường hợp cơ quan quản lý tài sản công lập phương án xử lý tài sản quy định tại Điều 62 Nghị định này

1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định xác lập sở hữu toàn dân về tài sản, đơn vị chủ trì quản lý tài sản có văn bản đề xuất phương án xử lý tài sản kèm theo hồ sơ về tài sản gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có). Hồ sơ gồm:

Quyết định xác lập sở hữu toàn dân về tài sản: 01 bản chính.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao

Trường hợp không có cơ quan quản lý cấp trên thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản gửi hồ sơ trực tiếp tới cơ quan quản lý tài sản công có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản.

2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) có văn bản (kèm theo hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này), gửi cơ quan quản lý tài sản công có thẩm quyền lập phương án xử lý tài sản.

Trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản có nhiều cơ quan quản lý cấp trên thì trình lần lượt qua từng cơ quan quản lý cấp trên.

3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan quản lý tài sản công có văn bản kèm bản sao hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này này, gửi lấy ý kiến cơ quan có liên quan (nếu cần). Hồ sơ gửi lấy ý kiến gồm:

Văn bản lấy ý kiến kèm theo dự thảo phương án xử lý tài sản (phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 01-PAXL quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này): 01 bản chính;

Các hồ sơ nêu tại khoản 1 Điều này: 01 bản sao;

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của cơ quan quản lý tài sản công, các cơ quan có liên quan có trách nhiệm cho ý kiến về phương án xử lý tài sản.

5. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan, cơ quan quản lý tài sản công hoàn thiện phương án xử lý, trình Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị kèm theo phương án xử lý tài sản (phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 01-PAXL quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) trên cơ sở giải trình, tiếp thu ý kiến các cơ quan có liên quan: 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

Các hồ sơ nêu tại khoản 3 Điều này: 01 bản sao;

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

6. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp.

7. Nội dung chủ yếu của Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 10 Nghị định này.

Điều 65. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập phương án xử lý tài sản quy định tại Điều 62 Nghị định này

1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định xác lập sở hữu toàn dân về tài sản, đơn vị chủ trì quản lý tài sản có văn bản đề xuất phương án xử lý tài sản kèm theo hồ sơ về tài sản gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có). Hồ sơ gồm:

Quyết định tịch thu tài sản: 01 bản chính.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

Trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản có nhiều cơ quan quản lý cấp trên thì trình lần lượt qua từng cơ quan quản lý cấp trên.

2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan quản lý cấp trên có văn bản gửi lấy ý kiến các cơ quan có liên quan (nếu cần). Hồ sơ gửi lấy ý kiến gồm:

Văn bản lấy ý kiến kèm theo dự thảo phương án xử lý tài sản (phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 01-PAXL quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này): 01 bản chính;

Quyết định tịch thu tài sản: 01 bản sao.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của cơ quan quản lý cấp trên quy định tại khoản 2 Điều này, các cơ quan có liên quan có trách nhiệm cho ý kiến về phương án xử lý tài sản.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan, cơ quan quản lý cấp trên thực hiện:

a) Chỉ đạo đơn vị chủ trì quản lý tài sản hoàn thiện phương án xử lý tài sản

b) Có văn bản đề nghị kèm theo ý kiến của các cơ quan có liên quan và hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này này đã hoàn thiện trình cơ quan người có được phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản xem xét, phê duyệt.

5. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm b khoản 4 Điều này này, cơ quan được phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp.

6. Nội dung chủ yếu của Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản: thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 10 Nghị định này.

Điều 66. Tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản

Việc tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại các Điều 12, 13, 15, 16 Nghị định này.

Điều 67. Quản lý số tiền thu được từ xử lý tài sản

Số tiền thu được từ xử lý tài sản của quỹ bị giải thể được quản lý theo quy định tại Điều 104 Nghị định này.

Chương VI

QUY ĐỊNH VỀ TÀI SẢN DO DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CHUYỂN GIAO KHÔNG BỒI HOÀN CHO NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Điều 68. Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động.

Điều 69. Trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản

1. Chậm nhất là 30 ngày trước ngày kết thúc thời hạn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư có trách nhiệm thông báo cho Sở Tài chính nơi doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đóng trụ sở về các trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn tài sản cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết khi kết thúc thời hạn hoạt động.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan đăng ký đầu tư, Sở Tài chính có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng kiểm kê, phân loại tài sản. Thành Phần Hội đồng do lãnh đạo Sở Tài chính làm chủ tịch, có đại diện của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan.

Hội đồng kiểm kê, phân loại tài sản có trách nhiệm:

- a) Tiếp nhận tài sản từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao.
- b) Thực hiện kiểm kê, phân loại tài sản và lập bảng kê chi tiết chủng loại, số lượng, khối lượng, giá trị, hiện trạng của tài sản.
- c) Bảo quản tài sản trong thời gian chờ xử lý.

3. Căn cứ trên kết quả kiểm kê, phân loại của Hội đồng, Sở Tài chính có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn theo cam kết.

Hồ sơ đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản bao gồm:

- a) Tờ trình đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: 01 bản chính.
- b) Bảng kê chủng loại, số lượng, khối lượng, giá trị, hiện trạng của tài sản: 01 bản chính.
- c) Văn bản thể hiện cam kết chuyển giao không bồi hoàn tài sản cho Nhà nước Việt Nam khi kết thúc hoạt động của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: 01 bản sao.
- d) Các hồ sơ, tài liệu liên quan đến tài sản (nếu có): 01 bản sao.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại Khoản 3 Điều này và sau khi kết thúc thời hạn hoạt động của theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản theo Mẫu số 01-QĐXL tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

Điều 70. Hình thức xử lý tài sản

- 1. Giao tài sản cho cơ quan quản lý chuyên ngành quản lý, xử lý đối với tài sản quy định tại khoản 1 Điều 109 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (nếu có)
- 2. Giao tài sản hoặc điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng. Việc giao, điều chuyển tài sản trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này.
- ~~3. Giao hoặc điều chuyển cho doanh nghiệp theo hình thức ghi tăng vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.~~
- 4. Bán đấu giá; bán trực tiếp (bán chỉ định, bán niêm yết giá).

Điều 71. Trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản

Cơ quan quản lý tài sản công cấp tỉnh (Sở Tài chính) có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản đối với tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết.

Điều 72. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

- ~~1. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt:~~
 - ~~a) Giao tài sản cho doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập.~~
 - ~~b) Điều chuyển tài sản cho doanh nghiệp theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp.~~
- 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 73. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản

- 1. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày có Quyết định xác lập sở hữu toàn dân về tài sản, cơ quan quản lý tài sản công cấp tỉnh (Sở Tài chính) có văn bản

kèm bản sao hồ sơ, gửi lấy ý kiến cơ quan có liên quan (nếu cần). Hồ sơ gửi lấy ý kiến gồm:

Văn bản lấy ý kiến kèm theo dự thảo phương án xử lý tài sản (phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 01-PAXL quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này): 01 bản chính;

Quyết định xác lập sở hữu toàn dân về tài sản: 01 bản sao;

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của cơ quan quản lý tài sản công, các cơ quan có liên quan có trách nhiệm cho ý kiến về phương án xử lý tài sản.

3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan, Sở Tài chính hoàn thiện phương án xử lý, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị kèm theo phương án xử lý tài sản (phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 01-PAXL quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) trên cơ sở giải trình, tiếp thu ý kiến các cơ quan có liên quan: 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

~~Ý kiến bằng văn bản của Cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp (đối với trường hợp xử lý tài sản theo hình thức giao hoặc điều chuyển cho doanh nghiệp)):~~ 01 bản chính;

Các hồ sơ nêu tại khoản 1 Điều này: 01 bản sao;

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp.

b) Có văn bản kèm theo hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ để xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp (đối với trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ quy định tại khoản 1 Điều 72 Nghị định này). Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị kèm theo phương án xử lý tài sản (phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 01-PAXL quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này): 01 bản chính;

Ý kiến của bộ, cơ quan trung ương, địa phương có liên quan: 01 bản chính;

Các hồ sơ nêu tại khoản 3 Điều này: 01 bản sao;

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

4. Nội dung chủ yếu của Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 10 Nghị định này.

Điều 74. Tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản

Việc tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện theo quy định tại các Điều 12, 13, 15, 16 Nghị định này.

Điều 75. Quản lý số tiền thu được từ xử lý tài sản

Số tiền thu được từ xử lý tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam được quản lý theo quy định tại Điều 104 Nghị định này.

Chương VII

QUY ĐỊNH VỀ TÀI SẢN ĐƯỢC ĐẦU TƯ THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ

Điều 76. Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn

1. Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan ký hợp đồng dự án thuộc trung ương quản lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan ký hợp đồng dự án thuộc địa phương quản lý.

Điều 77. Trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày ký biên bản nhận chuyển giao tài sản, đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 76 Nghị định này để xem xét, quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản. Hồ sơ gồm:

- a) Tờ trình xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: 01 bản chính.
- b) Bảng kê chủng loại, số lượng (khối lượng), giá trị, tình trạng tài sản: 01 bản chính.
- c) Biên bản nhận chuyển giao tài sản: 01 bản chính.
- d) Tài liệu khác chứng minh quyền tài sản (nếu có): 01 bản sao.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 76 Nghị định này ban hành quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản theo Mẫu số 01-QĐXL tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

Điều 77. Hình thức xử lý tài sản

1. Đối với trường hợp Hợp đồng dự án đã quy định cụ thể đối tượng tiếp nhận tài sản để quản lý, vận hành và khai thác thì thực hiện bàn giao tài sản cho đối tượng theo Hợp đồng dự án.

2. Đối với trường hợp Hợp đồng dự án không quy định cụ thể đối tượng tiếp nhận tài sản để quản lý, vận hành và khai thác thì thực hiện xử lý theo các hình thức sau:

a) Giao tài sản hoặc điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng. Việc giao, điều chuyển tài sản trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này.

b) Giao hoặc điều chuyển cho doanh nghiệp theo hình thức ghi tăng vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.

c) *Giao hoặc điều chuyển* cho đối tượng được giao quản lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng ~~thực hiện~~ theo quy định của Chính phủ về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng.

d) Bán đấu giá; bán trực tiếp (bán chỉ định, bán niêm yết giá).

Điều 78. Trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản

1. Cơ quan quản lý tài sản công của Bộ, cơ quan trung ương quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư do cơ quan ký hợp đồng dự án thuộc trung ương quản lý.

2. Cơ quan quản lý tài sản công cấp tỉnh (Sở Tài chính) có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư do cơ quan ký hợp đồng dự án thuộc địa phương quản lý.

Điều 79. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản

1. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt:

a) Giao tài sản cho doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập theo hình thức ghi tăng vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.

b) Điều chuyển tài sản cho doanh nghiệp theo hình thức ghi tăng vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.

2. Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan ký hợp đồng dự án thuộc trung ương quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan ký hợp đồng dự án thuộc địa phương quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 80. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản

1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định xác lập sở hữu toàn dân về tài sản, đơn vị chủ trì quản lý tài sản có văn bản đề xuất phương án xử lý tài sản kèm theo hồ sơ về tài sản gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có). Hồ sơ gồm:

Quyết định xác lập sở hữu toàn dân về tài sản: 01 bản chính.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao

Trường hợp không có cơ quan quản lý cấp trên thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản gửi hồ sơ trực tiếp tới cơ quan quản lý tài sản công có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản.

2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) có văn bản (kèm theo hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này), gửi cơ quan quản lý tài sản công có thẩm quyền lập phương án xử lý tài sản.

Trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản có nhiều cơ quan quản lý cấp trên thì trình lần lượt qua từng cơ quan quản lý cấp trên.

3. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan quản lý tài sản công có văn bản kèm bản sao hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, gửi lấy ý kiến cơ quan có liên quan (nếu cần). Hồ sơ gửi lấy ý kiến gồm:

Văn bản lấy ý kiến kèm theo dự thảo phương án xử lý tài sản (phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 01-PAXL quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này): 01 bản chính;

Các hồ sơ nêu tại khoản 1 Điều này: 01 bản sao;

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của cơ quan quản lý tài sản công, các cơ quan có liên quan có trách nhiệm cho ý kiến về phương án xử lý tài sản.

5. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan, cơ quan quản lý tài sản công hoàn thiện phương án xử lý, trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị kèm theo phương án xử lý tài sản (phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 01-PAXL quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) trên cơ sở giải trình, tiếp thu ý kiến các cơ quan có liên quan: 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

Ý kiến bằng văn bản của Cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp (đối với trường hợp xử lý tài sản theo hình thức giao hoặc điều chuyển cho doanh nghiệp): 01 bản chính;

Các hồ sơ nêu tại khoản 1 Điều này: 01 bản sao;

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

6. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp.

b) Có văn bản kèm theo hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ để xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp (đối với trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ quy định tại khoản 1 Điều 79 Nghị định này). Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị kèm theo phương án xử lý tài sản (phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 01-PAXL quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này): 01 bản chính;

Ý kiến của bộ, cơ quan trung ương, địa phương có liên quan: 01 bản chính;

Các hồ sơ nêu tại khoản 1 Điều này: 01 bản sao;

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

7. Nội dung chủ yếu của Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 10 Nghị định này.

Điều 81. Tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản

Việc tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện theo quy định tại các Điều 12, 13, 15, 16 Nghị định này.

Điều 82. Quản lý số tiền thu được từ xử lý tài sản

Số tiền thu được từ xử lý tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư được quản lý theo quy định tại Điều 104 Nghị định này.

Chương VIII

QUY ĐỊNH VỀ TÀI SẢN BỊ CHÔN, GIẤU, BỊ VÙI LẤP, CHÌM ĐẮM

Điều 83. Tiếp nhận, xử lý thông tin về tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm

1. Tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm có trách nhiệm bảo vệ, giữ nguyên hiện trạng và thông báo kịp thời, đầy đủ các thông tin có liên quan với các cơ quan, người có thẩm quyền sau đây:

a) Cơ quan quân sự nơi gần nhất đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm thuộc khu vực quân sự.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan công an nơi gần nhất đối với tài sản bị chôn giấu không thuộc khu vực quân sự.

c) Cảng vụ hàng hải hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi gần nhất đối với tài sản bị chìm đắm không thuộc khu vực quân sự.

Tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm chịu trách nhiệm về thông tin đã thông báo.

2. Cơ quan nhà nước tiếp nhận thông tin có trách nhiệm:

a) Lập biên bản có đầy đủ chữ ký của đại diện tổ chức, cá nhân đã thông báo thông tin và đại diện cơ quan tiếp nhận thông tin; tổ chức, cá nhân thông báo thông tin giữ một bản để làm cơ sở giải quyết quyền lợi về sau.

b) Kiểm tra tính chính xác của thông tin đã tiếp nhận.

c) Báo cáo bằng văn bản với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cơ quan nhà nước tiếp nhận thông tin đóng trụ sở.

d) Tổ chức khoanh vùng, bảo vệ nguyên trạng khu vực có tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm; trường hợp tài sản bị chìm đắm ở vùng biển xa bờ thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phối hợp với các cơ quan thuộc lực lượng quốc phòng, an ninh, cơ quan quản lý hàng hải để thực hiện.

Riêng đối với tài sản chìm đắm ở nội thủy, lãnh hải thì trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo có tài sản chìm đắm, cơ quan nhà nước tiếp nhận thông tin có trách nhiệm báo cáo Cục Hàng hải Việt Nam hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để thông báo 03 lần liên tiếp trên phương tiện thông tin đại chúng trung ương hoặc địa phương để tìm chủ tài sản.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo các cơ quan chức năng của địa phương hoặc phối hợp với cơ quan có liên quan tổ chức khoanh vùng, bảo vệ nguyên trạng khu vực có tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm.

b) Báo cáo cơ quan quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều 84 Nghị định này quyết định việc lập phương án thăm dò, phương án khai quật, trục vớt tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm.

c) Trường hợp tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm không thuộc địa bàn quản lý thì thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm.

Điều 84. Thẩm quyền giao và phê duyệt phương án thăm dò, phương án khai quật, trục vớt tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm

Việc giao cho tổ chức, cá nhân lập phương án thăm dò, phương án khai quật, trục vớt và phê duyệt phương án thăm dò, phương án khai quật, trục vớt tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm do các cơ quan nhà nước sau đây quyết định:

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm là di tích lịch sử - văn hóa, bảo vật quốc gia, di vật, cổ vật.

2. Bộ Quốc phòng phê duyệt đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh quốc gia và tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm trong khu vực quân sự.

3. Bộ Giao thông vận tải phê duyệt đối với tài sản chìm đắm làm cản trở hoạt động hàng hải, gây nguy hiểm cho tài nguyên biển; đe dọa tính mạng và sức khỏe con người hoặc gây ô nhiễm môi trường. Riêng đối với tài sản chìm đắm gây nguy hiểm cho hoạt động hàng hải, Cảng vụ hàng hải có trách nhiệm xây dựng phương án trục vớt trình Cục Hàng hải Việt Nam phê duyệt; trường hợp tài sản chìm đắm gây nguy hiểm cho hoạt động hàng hải là di sản văn hóa dưới nước hoặc liên quan đến quốc phòng, an ninh thì trước khi Cục Hàng hải Việt Nam phê duyệt, phương án trục vớt phải có ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Bộ Quốc phòng.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm phê duyệt đối với các tài sản không thuộc phạm vi quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều này.

Điều 85. Nội dung phương án thăm dò, phương án khai quật, trục vớt tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm

1. Phương án thăm dò tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Địa điểm tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm.

b) Thời gian dự kiến bắt đầu và kết thúc.

c) Phương tiện và biện pháp thăm dò.

d) Biện pháp bảo đảm an toàn trong quá trình thăm dò.

đ) Bàn giao kết quả thăm dò cho cơ quan, người có thẩm quyền.

e) Biện pháp phòng ngừa ô nhiễm môi trường; phòng, chống cháy, nổ.

g) Dự toán chi phí thăm dò.

h) Điều kiện đề lựa chọn tổ chức, cá nhân tổ chức khai quật, trục vớt (trong trường hợp cần thiết).

2. Phương án khai quật, trục vớt tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Căn cứ tổ chức việc khai quật, trục vớt.

b) Kết quả thực hiện phương án thăm dò tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm (nếu có).

c) Địa điểm tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm.

- d) Thời gian dự kiến bắt đầu và kết thúc.
- d) Phương tiện và biện pháp khai quật, trục vớt.
- e) Biện pháp bảo đảm an toàn trong quá trình khai quật, trục vớt.
- g) Biện pháp bảo quản tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy sau khi khai quật, trục vớt.
- h) Bàn giao tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy cho cơ quan, người có thẩm quyền.
- i) Biện pháp phòng ngừa ô nhiễm môi trường; phòng, chống cháy, nổ.
- k) Biện pháp bảo hiểm tổ chức, cá nhân tham gia khai quật, trục vớt.
- l) Dự kiến kết quả sau khi khai quật, trục vớt.
- m) Dự toán chi phí khai quật, trục vớt.
- n) Điều kiện để lựa chọn tổ chức, cá nhân tổ chức khai quật, trục vớt (trong trường hợp cần thiết).

3. Tùy trường hợp cụ thể, việc lập và quyết định phương án thăm dò; lập và quyết định phương án khai quật, trục vớt tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm thực hiện độc lập hoặc thực hiện gắn liền với nhau.

Điều 86. Tổ chức thăm dò, khai quật, trục vớt tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc tổ chức, cá nhân nước ngoài tổ chức thăm dò, khai quật, trục vớt tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm phải bảo đảm đủ các Điều kiện sau đây:

- a) Có chức năng thăm dò, khai quật, trục vớt tài sản theo quy định của pháp luật.
- b) Có kinh nghiệm trong hoạt động thăm dò, khai quật, trục vớt tài sản.
- c) Có đội ngũ nhân viên, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu của hoạt động thăm dò, khai quật, trục vớt tài sản phù hợp với quy mô của phương án thăm dò, khai quật, trục vớt đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trường hợp thăm dò, khai quật, trục vớt tài sản là di tích lịch sử - văn hóa, bảo vật quốc gia, di vật, cổ vật, tài sản thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh quốc gia và tài sản trong khu vực quân sự thì tổ chức, cá nhân nước ngoài được hợp tác tham gia nhưng phải có sự chủ trì của cơ quan, tổ chức của Việt Nam đối với từng dự án thăm dò, khai quật, trục vớt.

3. Cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 84 Nghị định này quyết định việc giao cho tổ chức, cá nhân có đủ các Điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều này tổ chức thăm dò, khai quật, trục vớt tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm thông qua các hình thức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu; ưu tiên các tổ chức, cá nhân Việt Nam thực hiện việc trục vớt tài sản chìm đắm tại nội thủy, lãnh hải Việt Nam theo quy định tại Điều 280 Bộ luật Hàng hải năm 2015. Trường hợp phương án trục vớt đối với tài sản chìm đắm gây nguy hiểm cho hoạt động hàng hải được Cục Hàng hải Việt Nam phê duyệt thì Cảng vụ hàng hải tổ chức trục vớt tài sản theo phương án được phê duyệt.

4. Việc thăm dò, khai quật, trục vớt tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được thực hiện theo đúng phương án đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

Trường hợp trong quá trình thăm dò, khai quật, trục vớt tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm cần thiết phải Điều chỉnh phương án đã được phê duyệt thì cơ quan, người có thẩm quyền đã phê duyệt phương án đó quyết định Điều chỉnh phương án.

Điều 87. Tiếp nhận, quản lý và bảo quản tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy

1. Tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm hoặc tổ chức, cá nhân tổ chức khai quật, trục vớt tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm có trách nhiệm quản lý tài sản được tìm thấy và bàn giao cho cơ quan nhà nước quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này để bảo quản trong thời gian chờ xử lý theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền.

2. Trường hợp có đầy đủ cơ sở để xác định được loại tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy thì tổ chức, cá nhân quy định tại Khoản 1 Điều này thực hiện việc giao tài sản cho các cơ quan, đơn vị sau đây tiếp nhận, bảo quản:

a) Bảo tàng cấp tỉnh tiếp nhận, bảo quản đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy là di tích lịch sử - văn hóa, bảo vật quốc gia, di vật, cổ vật.

b) Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh tiếp nhận, bảo quản đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh quốc gia và tài sản trong khu vực quân sự.

c) Cảng vụ hàng hải nơi gần nhất tiếp nhận, bảo quản đối với tài sản bị chìm đắm làm cản trở hoặc gây nguy hiểm cho hoạt động hàng hải, tài nguyên biển; đe dọa tính mạng và sức khỏe con người hoặc gây ô nhiễm môi trường được tìm thấy.

d) Sở Tài chính tiếp nhận, bảo quản đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy không thuộc phạm vi quy định tại các điểm a, b và c Khoản này.

3. Trường hợp không có đủ cơ sở để xác định được loại tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy thì Sở Tài chính trực tiếp tiếp nhận, bảo quản. Nếu tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy nhỏ lẻ, có giá trị thấp (ước tính dưới 01 tỷ đồng) thì Sở Tài chính có thể ủy quyền việc tiếp nhận, bảo quản tài sản cho cơ quan chuyên môn về tài chính cấp huyện.

4. Các cơ quan, đơn vị có nhiệm vụ tiếp nhận, bảo quản tài sản quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này thực hiện bảo quản theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 108 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 88. Xác định chủ sở hữu của tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy

1. Sở Tài chính có trách nhiệm lập danh Mục tài sản, số lượng theo từng loại tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy; chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan thực hiện giám định tài sản; xác định chủ sở hữu của tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Việc xác định chủ sở hữu của tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 229 Bộ luật Dân

sự, trừ trường hợp đặc biệt theo yêu cầu về bảo đảm an ninh quốc gia và bí mật quốc gia thì việc thông báo được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước. Trường hợp tài sản không có hoặc không xác định được chủ sở hữu thì tài sản đó được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định tại khoản 2 Điều 229 Bộ luật Dân sự và quy định tại Nghị định này.

Điều 89. Nguyên tắc xử lý tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy

Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy được ưu tiên xử lý theo các nguyên tắc sau:

1. Trả lại cho chủ sở hữu nếu xác định được chủ sở hữu hợp pháp.
2. Tra cho tổ chức, cá nhân tìm thấy tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm đối với trường hợp đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Không có hoặc không xác định được ai là chủ sở hữu hợp pháp;
b) Tài sản có giá trị nhỏ hơn hoặc mười tháng lương tối thiểu do Nhà nước quy định (tại thời điểm tìm thấy và giao nộp tài sản) sau khi trừ các khoản chi phí hợp lý có liên quan.

3. Xác lập quyền sở hữu toàn dân và xử lý theo quy định tại Nghị định này đối với các trường hợp sau:

a) Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy mà không xác định được chủ sở hữu và có giá trị lớn hơn mười tháng lương tối thiểu do Nhà nước quy định (tại thời điểm tìm thấy và giao nộp tài sản) sau khi trừ các khoản chi phí hợp lý có liên quan.

b) Chủ sở hữu từ bỏ quyền sở hữu đối với tài sản, trừ tài sản quy định tại khoản 2 Điều này.

c) Chủ sở hữu không thanh toán các khoản chi phí có liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 99 Nghị định.

d) Tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều này không đến nhận tài sản hoặc không thanh toán các khoản chi phí có liên quan.

4. Tổ chức, cá nhân tìm thấy tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được thưởng hoặc được hưởng một phần giá trị tài sản được tìm thấy được xác lập sở hữu toàn dân quy định tại khoản 3 Điều này trong các trường hợp sau:

a) Được thưởng trong trường hợp ngẫu nhiên tìm thấy và giao nộp tài sản bị chôn giấu, bị chìm đắm là di tích lịch sử - văn hóa, bảo vật quốc gia, di vật, cổ vật, tài sản thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh quốc gia hoặc phát hiện và cung cấp thông tin chính xác về tài sản bị chôn giấu, bị chìm đắm được tìm thấy.

b) Được hưởng một phần giá trị tài sản đối với tài sản bị chôn giấu, bị chìm đắm không phải là di tích lịch sử - văn hóa, bảo vật quốc gia, di vật, cổ vật, tài sản thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh quốc gia mà có giá trị lớn hơn mười tháng lương tối thiểu do Nhà nước quy định (tại thời điểm tìm thấy và giao nộp tài sản) sau khi trừ các khoản chi phí hợp lý có liên quan.

c) Tổ chức, cá nhân phát hiện và cung cấp thông tin chính xác về tài sản bị chôn giấu, bị chìm đắm được tìm thấy được áp dụng một trong hai quy định tại điểm a, điểm b khoản này.

Điều 90. Trả lại tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy cho chủ sở hữu hợp pháp.

1. Sở Tài chính có văn bản báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 84 Nghị định này xem xét, quyết định trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của Sở Tài chính, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 84 Nghị định này ban hành Quyết định trả lại tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm cho chủ sở hữu hợp pháp.

2. Trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, cơ quan, đơn vị tiếp nhận, bảo quản tài thực hiện trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp. Việc trả lại tài sản được lập thành biên bản; chủ sở hữu tài sản phải thanh toán các khoản chi phí hợp lý có liên quan đến việc tìm kiếm, thăm dò, khai quật, trục vớt, bảo quản, tìm chủ sở hữu tài sản.

Điều 91. Trả sản cho tổ chức, cá nhân tìm thấy tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm.

1. Sở Tài chính có văn bản báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 84 Nghị định này xem xét, quyết định trả tài sản cho tổ chức, cá nhân tìm thấy tài sản.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của Sở Tài chính, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 84 Nghị định này ban hành Quyết định trả tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm cho tổ chức, cá nhân tìm thấy tài sản.

2. Trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định trả tài sản cho tổ chức, cá nhân tìm thấy tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, cơ quan, đơn vị tiếp nhận, bảo quản tài thực hiện trả tài sản cho tổ chức, cá nhân tìm thấy tài sản. Việc trả tài sản được lập thành biên bản; tổ chức, cá nhân tìm thấy tài sản phải thanh toán các khoản chi phí hợp lý có liên quan đến việc tìm kiếm, thăm dò, khai quật, trục vớt, bảo quản, tìm chủ sở hữu tài sản.

Điều 92. Xác lập sở hữu toàn dân đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm thuộc về Nhà nước

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm thuộc về Nhà nước.

2. Trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm thuộc về Nhà nước

a) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc xác định tài sản đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm thuộc về Nhà nước theo quy định tại khoản 3 Điều 89 Nghị định này, Sở Tài chính có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân.

Hồ sơ đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản bao gồm:

a) Báo cáo quá trình xác định chủ sở hữu đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm từ khi phát hiện: 01 bản chính.

b) Bảng kê chủng loại, số lượng, khối lượng, hiện trạng của tài sản: 01 bản chính.

c) Các hồ sơ, tài liệu liên quan đến quá trình xác định chủ sở hữu đối với tài sản (nếu có): 01 bản sao.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản theo Mẫu số 01-QĐXL tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

Điều 93. Hình thức xử lý tài sản đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được xác lập sở hữu toàn dân

Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được xác lập sở hữu toàn dân theo quy định tại Điều 92 Nghị định này được xử lý theo các hình thức sau:

1. Giao tài sản cho cơ quan quản lý chuyên ngành quản lý, xử lý đối với tài sản quy định tại khoản 1 Điều 109 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (nếu có).

2. Giao tài sản hoặc điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng. Việc giao, điều chuyển tài sản trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này.

~~3. Giao hoặc điều chuyển cho doanh nghiệp theo hình thức ghi tăng vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.~~

4. Bán đấu giá: bán trực tiếp (bán chỉ định, bán niêm yết giá).

5. Nộp vào ngân sách nhà nước đối với tiền Việt Nam, ngoại tệ.

~~**Điều 94. Trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản**~~

~~Cơ quan quản lý tài sản công cấp tỉnh (Sở Tài chính) có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm thuộc về Nhà nước.~~

Điều 94. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là di tích lịch sử - văn hóa, cổ vật, bảo vật quốc gia, trừ trường hợp luật, pháp lệnh có quy định khác.

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt phương án xử lý theo hình thức giao, điều chuyển cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý hoặc điều chuyển giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án xử lý đối với các trường hợp không thuộc phạm vi khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 95. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Cơ quan quản lý tài sản công cấp tỉnh (Sở Tài chính) có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm thuộc về Nhà nước được xác lập sở hữu toàn dân theo quy định tại Điều 92 Nghị định này

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định xác lập sở hữu toàn dân về tài sản, cơ quan quản lý tài sản công cấp tỉnh (Sở Tài chính) có văn bản kèm bản sao hồ sơ, gửi lấy ý kiến cơ quan có liên quan (nếu cần). Hồ sơ gửi lấy ý kiến gồm:

Văn bản lấy ý kiến kèm theo dự thảo phương án xử lý tài sản (phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 01-PAXL quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo

Nghị định này): 01 bản chính;

Quyết định xác lập sở hữu toàn dân về tài sản: 01 bản sao;

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của cơ quan quản lý tài sản công, các cơ quan có liên quan có trách nhiệm cho ý kiến về phương án xử lý tài sản.

4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan, Sở Tài chính hoàn thiện phương án xử lý, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị kèm theo phương án xử lý tài sản (phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 01-PAXL quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) trên cơ sở giải trình, tiếp thu ý kiến các cơ quan có liên quan: 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

Ý kiến bằng văn bản của Cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp (đối với trường hợp xử lý tài sản theo hình thức giao hoặc điều chuyển cho doanh nghiệp): 01 bản chính;

Các hồ sơ nêu tại khoản 1 Điều này: 01 bản sao;

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

5. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp.

b) Có văn bản kèm theo hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ để xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp (đối với trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ quy định tại khoản 1 Điều 95 Nghị định này). Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị kèm theo phương án xử lý tài sản (phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 01-PAXL quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này): 01 bản chính;

Ý kiến của bộ, cơ quan trung ương, địa phương có liên quan: 01 bản chính;

Các hồ sơ nêu tại khoản 3 Điều này: 01 bản sao;

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

c) Có văn bản kèm theo hồ sơ gửi Bộ Tài chính để xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp (đối với trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tại khoản 2 Điều 95 Nghị định này). Hồ sơ gồm:

Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị kèm theo phương án xử lý tài sản (phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 01-PAXL quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này): 01 bản chính;

Ý kiến của bộ, cơ quan trung ương, địa phương có liên quan: 01 bản chính;

Các hồ sơ nêu tại khoản 3 Điều này: 01 bản sao;

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

6. *Nội dung chủ yếu của Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 10 Nghị định này.*

Điều 96. Tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản

Việc tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại các Điều 12, 13, 15, 16 Nghị định này.

Điều 97. Quản lý số tiền thu được từ xử lý tài sản

Số tiền thu được từ xử lý tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm theo quy định tại Điều Nghị định này.

Chương IX

**QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TRONG XỬ LÝ TÀI SẢN ĐƯỢC XÁC LẬP
QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN**

Điều 98. Nội dung các khoản chi liên quan đến quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu (bao gồm tài sản của vụ án hình sự chuyển sang xử lý hành chính bị tịch thu):

a) Chi phí kiểm nghiệm, giám định, xác định giá trị tang vật làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt;

b) Chi phí vận chuyển, giao nhận, bảo quản và chi phí chăm sóc, cứu hộ động vật hoang dã từ khi có quyết định tạm giữ hoặc quyết định tịch thu đến khi hoàn thành việc xử lý tang vật, phương tiện bị tịch thu do vi phạm hành chính. Trường hợp cơ quan ra quyết định tạm giữ hoặc quyết định tịch thu đã được Nhà nước bố trí kho bãi, biên chế, phương tiện vận tải,... thì không được thanh toán các khoản chi phí liên quan đến vận chuyển, bảo quản những tang vật, phương tiện bị tịch thu do vi phạm hành chính đó;

c) Chi đăng tin, thông báo tìm chủ tang vật, phương tiện (nếu có);

d) Chi phí thuê sửa chữa tang vật, phương tiện bị tịch thu do vi phạm hành chính nếu phải sửa chữa mới bán được hoặc giá trị tăng thêm của tang vật, phương tiện lớn hơn so với chi phí sửa chữa (nếu có);

đ) Chi phí để thực hiện xác định giá trị tang vật, giá khởi điểm bán đấu giá, bán đấu giá tài sản;

e) Thù lao đấu giá (trong trường hợp đấu giá thành) và các chi phí đấu giá tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 66 Luật đấu giá tài sản đã được hai bên thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản (trong trường hợp bán đấu giá không thành) trả cho tổ chức bán đấu giá;

h) Các khoản chi phí thực tế, hợp lý cho việc phá dỡ, tiêu hủy tang vật, phương tiện bị tịch thu do vi phạm hành chính (trừ trường hợp tang vật vi phạm bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc phải tiêu hủy theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính).

2. Đối với tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu (bao gồm cả tài sản của vụ việc vi phạm hành chính chuyển sang xử lý hình sự bị tịch thu) và tài sản khác được xác lập sở hữu toàn dân (trừ tài sản quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều này):

a) Chi phí vận chuyển, bảo quản từ khi có quyết định tạm giữ đến thời điểm có quyết định tịch thu theo quy định của pháp luật; chi phí kiểm nghiệm, giám định, định giá tài sản tạm giữ; chi bồi thường tổn thất do nguyên nhân khách quan (nếu có). Trường hợp cơ quan tiếp nhận, bảo quản tài sản đã được Nhà nước bố trí kho bãi, phương tiện vận tải, kinh phí thường xuyên thì không được thanh toán các khoản chi phí liên quan đến việc vận chuyển, bảo quản những tài sản đó.

b) Chi phí giao, nhận, bốc dỡ, vận chuyển, bảo quản tài sản từ thời điểm có quyết định phê duyệt phương án xử lý của cơ quan có thẩm quyền đến khi hoàn thành việc xử lý.

c) Các chi phí phát sinh trong quá trình xử lý bán tài sản: Chi phí xác định giá khởi điểm; chi thuê giám định, thuê sửa chữa tài sản để bán nếu tài sản phải sửa chữa mới bán được; chi khắc phục tổn thất về tài sản do nguyên nhân khách quan; thù lao dịch vụ đấu giá trả cho tổ chức đấu giá, chi phí đấu giá tài sản.

d) Thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) đối với trường hợp hàng thuộc diện tạm nhập, tái xuất nhưng nay cơ quan, người có thẩm quyền cho phép nhập khẩu chính thức.

~~đ) Phí, lệ phí (nếu có).~~

e) Chi phí cho việc chăm sóc, cứu hộ động vật hoang dã trước khi xử lý theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền.

g) Chi phí thực hiện tiêu hủy tài sản.

h) Chi thường cho các tổ chức, cá nhân phát hiện và giao nộp tài sản bị đánh rơi, bỏ quên là di tích lịch sử - văn hóa, bảo vật quốc gia, cổ vật, tài sản thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh quốc gia.

i) Các khoản chi khác có liên quan.

3. Đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm

a) Chi phí thăm dò, khai quật, trục vớt, giám định tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm. Trường hợp chi phí thăm dò, khai quật, trục vớt tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm theo phương án được duyệt được tính bằng hiện vật khai quật, trục vớt được thì cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án khai quật, trục vớt tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm quyết định việc thanh toán bằng hiện vật.

b) Chi phí vận chuyển, bảo quản tài sản được tìm thấy trong thời gian chưa có quyết định xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền; chi phí vận chuyển, bảo quản tài sản trả cho tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy và giao nộp tài sản.

c) Chi phí xử lý tài sản (chi phí thông báo tìm chủ sở hữu, chi phí chuyển giao tài sản, chi phí tiêu hủy tài sản, chi phí định giá, đấu giá tài sản).

d) Thuế, phí, lệ phí (nếu có).

đ) Chi thường cho tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản quy định tại điểm a khoản 4 Điều 89 Nghị định này.

e) Chi thanh toán phần giá trị tài sản mà tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản được hưởng quy định tại điểm b khoản 4 Điều 89 Nghị định này.

g) Chi phí bán đấu giá tài sản là di vật, cổ vật tại nước ngoài. Chi phí bán đấu giá (hoa hồng bán đấu giá) được khoán gọn theo tỷ lệ phần trăm (%) trên tổng số tiền thu được từ bán đấu giá tài sản, bao gồm:

- Chi phí đóng gói, chi phí vận chuyển từ Việt Nam ra nước ngoài, chi phí vận chuyển từ nơi bảo quản đến nơi bán đấu giá;
- Chi phí bảo hiểm cho hiện vật mang đi bán đấu giá;
- Chi phí thuê kho bãi để bảo quản hiện vật ở nước ngoài;
- Các Khoản thuế, phí, lệ phí ở Việt Nam và ở nước ngoài (nếu có);
- Chi phí tuyên truyền, quảng bá; chi phí tổ chức bán đấu giá;
- Chi phí giải quyết tranh chấp (nếu có); các chi phí khác có liên quan tới việc vận chuyển, bán đấu giá tại nước ngoài.

Tỷ lệ Phần trăm (%) chi phí bán đấu giá do các bên ký hợp đồng ủy thác bán đấu giá thỏa thuận, trên cơ sở tham khảo chi phí bán đấu giá (hoa hồng bán đấu giá) của các cuộc bán đấu giá đã thực hiện.

h) Chi phí hợp lý khác có liên quan.

Điều 99. Mức chi

1. Đối với những nội dung chi đã có tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan, người có thẩm quyền quy định thì thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức, chế độ đã được quy định.

2. Đối với các khoản chi phí chưa có tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan, người có thẩm quyền quy định thì Thủ trưởng cơ quan được giao chủ trì xử lý tài sản quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình đối với mức chi cụ thể, bảo đảm phù hợp với khả năng kinh phí, thực tế phát sinh.

3. Đối với các khoản chi phí mua tin, chi phí hợp lý, hợp lệ phát sinh trong quá trình xử lý vi phạm pháp luật hình sự trong lĩnh vực chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về việc quản lý, sử dụng nguồn thu từ xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả.

4. Đối với các vụ việc từ hành chính chuyển sang xử lý hình sự hoặc từ hình sự chuyển sang xử lý hành chính thì chi phí vận chuyển, bảo quản phát sinh trước khi chuyển giao được tính vào kinh phí chi thường xuyên của đơn vị bảo quản tài sản; các khoản chi phí khác được thanh toán từ nguồn kinh phí xử lý tài sản theo quy định tại Điều 103 Nghị định này.

5. *Đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy thì mức chi thường hoặc thanh toán phần giá trị tài sản cho tổ chức, cá nhân phát hiện và giao nộp tài sản được thực hiện theo quy định tại Điều 100 và Điều 101 Nghị định này.*

Điều 100. Chi thường cho tổ chức, cá nhân phát hiện và giao nộp tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm

1. *Mức chi thường:*

a) *Trường hợp tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy và giao nộp tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm là di tích lịch sử - văn hóa, bảo vật quốc gia, di vật, cổ vật, tài sản thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh quốc gia thì mức tiền thường được tính theo phương pháp lũy thoái từng phần, cụ thể như sau:*

Giá trị tài sản	Tỷ lệ trích thưởng (%) / Giá trị tài sản để trích thưởng
Giá trị tài sản đến 10 triệu đồng	30%
Giá trị tài sản trên 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng	15%
Giá trị tài sản trên 100 triệu đồng đến 1 tỷ đồng	7%
Giá trị tài sản trên 1 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng	1%;
Giá trị của tài sản trên 10 tỷ đồng	0,5%;

Giá trị tài sản để trích thưởng được xác định theo quy định tại khoản 3 Điều này.

b) Trường hợp tổ chức, cá nhân phát hiện và cung cấp thông tin chính xác về tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy là di tích lịch sử - văn hóa, bảo vật quốc gia, di vật, cổ vật, tài sản thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh quốc gia thì mức tiền thưởng bằng 50% của các mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a khoản này.

Trường hợp tổ chức, cá nhân phát hiện và cung cấp thông tin chính xác về tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy không phải là di tích lịch sử - văn hóa, bảo vật quốc gia, di vật, cổ vật, tài sản thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh quốc gia thì mức tiền thưởng bằng 30% của các mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a khoản này.

2. Thẩm quyền quyết định mức chi thưởng

a) Mức tiền thưởng cụ thể do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (đối với tài sản được tìm thấy là di tích lịch sử - văn hóa, bảo vật quốc gia, di vật, cổ vật), Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (đối với tài sản được tìm thấy thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh quốc gia), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản được tìm thấy khác) quyết định, tối đa không vượt quá 200 triệu đồng đối với mỗi gói thưởng.

b) Trường hợp có nhiều tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng được chi thưởng; và hoặc giá trị tài sản tìm thấy có giá trị đặc biệt thì các cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm c khoản này trình Thủ tướng Chính phủ quyết định mức thưởng.

3. Xác định giá trị tài sản để chi thưởng theo quy định tại khoản 1 Điều này

a) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 84 Nghị định này quyết định thành lập Hội đồng định giá, xác định giá trị tài sản bị chôn dấu, bị chìm đắm (sau đây gọi chung là Hội đồng định giá).

- Thành phần Hội đồng định giá gồm: Thủ trưởng cơ quan quyết định thành lập Hội đồng hoặc người được ủy quyền làm Chủ tịch Hội đồng; Đại diện cơ quan tài chính (Bộ Tài chính đối với tài sản bị chôn dấu, bị chìm đắm do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở trung ương phê duyệt phương án xử lý; Sở Tài chính đối với tài sản bị chôn dấu, bị chìm đắm do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở địa phương phê duyệt phương án xử lý); Đại diện cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tiếp nhận, bảo quản tài sản; Đại diện cơ quan chuyên môn kỹ thuật hoặc các chuyên gia về tài sản; Các thành viên khác có liên quan.

- Số lượng thành viên của Hội đồng định giá tối thiểu là 5 người. Đại diện tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy tài sản hoặc có công phát hiện và cung cấp thông tin về tài sản bị chôn giấu, bị chìm đắm được quyền tham dự các cuộc họp của Hội đồng định giá và có thể phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết.

- Hội đồng định giá làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các cuộc họp của Hội đồng định giá phải có ít nhất 2/3 tổng số thành viên của Hội đồng tham dự. Các quyết định của Hội đồng phải được quá nửa số thành viên Hội đồng tán thành và được lập thành biên bản. Trong trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo phía có Chủ tịch Hội đồng. Hội đồng định giá lập biên bản về việc định giá tài sản. Biên bản định giá tài sản phải ghi nhận kịp thời, đầy đủ và trung thực toàn bộ quá trình định giá tài sản. Nội dung chủ yếu của biên bản định giá tài sản gồm: Họ, tên Chủ tịch Hội đồng định giá tài sản và các thành viên của Hội đồng; họ, tên những người tham dự phiên họp định giá tài sản; thời gian, địa điểm tiến hành việc định giá tài sản; kết quả khảo sát giá trị của tài sản; ý kiến của các thành viên của Hội đồng định giá và những người tham dự phiên họp định giá tài sản; kết quả biểu quyết của Hội đồng định giá về giá trị của tài sản; thời gian, địa điểm hoàn thành việc định giá tài sản; chữ ký của các thành viên Hội đồng định giá. Biên bản định giá tài sản phải được lưu trong hồ sơ định giá tài sản.

- Hội đồng định giá có thể thuê hoặc giao cho cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tiếp nhận, bảo quản tài sản thuê tổ chức đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá xác định giá trị tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm để xem xét, tham khảo trước khi quyết định.

- Hội đồng định giá có trách nhiệm định giá tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm theo các quy định của pháp luật về nguyên tắc, phương pháp, chuẩn mực thẩm định giá. Trường hợp đặc biệt không thể xác định được giá trị của tài sản thì Hội đồng định giá có văn bản thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này biết để quyết định mức thưởng theo quy định tại Nghị định này.

- Chi phí hoạt động của Hội đồng định giá và chi phí thuê tổ chức đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá (nếu có) được tính chung vào chi phí xử lý tài sản và được chi trả theo quy định tại Điều 103 Nghị định này.

b) Xác định giá trị tài sản để trích thưởng

Hội đồng định giá tài sản quy định tại điểm a khoản này có trách nhiệm xác định giá trị tài sản để làm căn cứ trích thưởng như sau:

- Trường hợp tài sản được xử lý theo hình thức bán đấu giá thì giá trị tài sản để trích thưởng là giá trúng đấu giá;

- Trường hợp tài sản được xử lý theo hình thức giao tài sản cho cơ quan quản lý chuyên ngành quản lý, xử lý; giao tài sản hoặc điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 93 Nghị định này thì giá trị tài sản để trích thưởng được xác định như sau:

Giá trị tài sản để trích thưởng	=	Giá trị tài sản do Hội đồng định giá xác định quy định tại khoản 1 Điều này	-	Các khoản chi phí có liên quan đến việc thăm dò, khai quật, trục vớt, xử lý tài sản quy định tại Nghị định này
---------------------------------	---	---	---	--

Trường hợp đặc biệt không thể xác định được giá trị của tài sản thì Hội đồng định giá có văn bản thông báo cho cơ quan, người có thẩm quyền biết để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định mức thường theo quy định.

Điều 101. Thanh toán phần giá trị tài sản mà tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản cho tổ chức, cá nhân phát hiện và giao nộp tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm

1. Mức thanh toán

Đối với tài sản có giá trị lớn hơn mười tháng lương tối thiểu do Nhà nước quy định (tại thời điểm tìm thấy và giao nộp tài sản) mà được xử lý theo hình thức bán, sau khi trừ các khoản chi phí hợp lý có liên quan thì tổ chức, cá nhân tìm thấy tài sản được hưởng giá trị bằng mười tháng lương tối thiểu và 50% giá trị của phần vượt quá mười tháng lương tối thiểu do Nhà nước quy định, phần giá trị còn lại thuộc về Nhà nước.

2. Thẩm quyền quyết định mức thanh toán

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 84 Nghị định này quyết định mức được hưởng của tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy tài sản bị chôn giấu, bị chìm đắm.

3. Xác định giá trị tài sản để thanh toán

a) Đối với các tài sản được xử lý theo hình thức bán đấu giá, giá trị tài sản làm căn cứ thanh toán được xác định theo giá trúng đấu giá.

b) Đối với các trường hợp khác, giá trị tài sản do Hội đồng định giá quy định tại Điều 101 Nghị định này xác định.

Điều 102. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí chi cho các khoản chi liên quan đến quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân gồm:

1. Số tiền thu được từ xử lý tài sản theo hình thức bán.

2. Dự toán ngân sách nhà nước đối với các trường hợp sau:

a) Số tiền thu được từ bán tài sản không đủ để thanh toán các khoản chi phí theo quy định.

b) Tài sản được xử lý theo các hình thức: chuyển giao cho cơ quan chuyên ngành để quản lý, xử lý; giao hoặc điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng; tiêu hủy.

3. Đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy thì nguồn kinh phí để thanh toán các khoản chi phí có liên quan đến việc tìm kiếm, thăm dò, khai quật, trục vớt, bảo quản, tìm chủ sở hữu tài sản và thanh toán các khoản chi thường, thanh toán một phần giá trị tài sản cho tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản thực hiện theo quy định tại Điều 104, Điều 105, Điều 106 Nghị định này.

Điều 103. Thanh toán các khoản chi liên quan đến quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

1. Nội dung chi và mức chi liên quan đến quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thực hiện theo quy định tại Điều 98, Điều 99 Nghị định này.

2. Đơn vị chủ trì quản lý tài sản trách nhiệm tập hợp các chi phí có liên quan gửi cơ quan có thẩm quyền lập phương án xử lý tài sản để thẩm định các khoản chi phí. Hồ sơ đề nghị thẩm định chi phí gồm:

a) Văn bản đề nghị thanh toán của đơn vị chủ trì quản lý tài sản kèm theo bảng kê chi tiết các khoản chi: 01 bản chính;

b) Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền: 01 bản sao;

c) Các hồ sơ, giấy tờ chứng minh cho các khoản chi như: Dự toán chi được duyệt; Hợp đồng thuê dịch vụ thẩm định giá, đấu giá, phá dỡ; hóa đơn, phiếu thu tiền (nếu có): 01 bản sao.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền lập phương án xử lý tài sản có trách nhiệm thẩm định các khoản chi phí có liên quan được chi trả; có văn bản đề nghị chủ tài khoản tạm giữ (đối với trường hợp tài sản được xử lý theo hình thức bán) hoặc cơ quan, đơn vị được giao dự toán ngân sách nhà nước để xử lý tài sản (đối với tài sản được xử lý theo các hình thức khác) thanh toán chi phí, trong đó nêu rõ: Thông tin về tài sản; Chi phí đề nghị được thanh toán kèm theo bảng kê chi tiết các khoản chi; Thông tin về tài khoản tiếp nhận tiền thanh toán.

d) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thanh toán theo quy định tại điểm c khoản này, chủ tài khoản tạm giữ hoặc cơ quan, đơn vị được giao dự toán ngân sách nhà nước để xử lý tài sản có trách nhiệm cấp tiền cho đơn vị chủ trì quản lý tài sản để thực hiện chi trả các khoản chi phí có liên quan đến quản lý, xử lý tài sản theo quy định.

2. Việc thanh toán các khoản chi phí được thực hiện theo mức chi thực tế hợp lý, hợp lệ của từng vụ việc hoặc mức khoán do cơ quan, người có thẩm quyền quy định.

Đối với các loại tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân phát sinh thường xuyên, căn cứ vào tình hình thực tế quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định tỷ lệ (mức) khoán chi phí quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trên số tiền thu được từ xử lý tài sản cho đơn vị chủ trì quản lý tài sản thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương để áp dụng thống nhất. Mức khoán tối đa không vượt quá 40% số tiền thu được từ xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; đơn vị chủ trì quản lý tài sản được chủ động sử dụng chi phí được khoán để chi cho các nội dung theo quy định.

Trường hợp trong quá trình thực hiện xử lý tài sản, chi phí xử lý thực tế vượt quá mức khoán quy định và có đầy đủ các hồ sơ, chứng từ chứng minh việc chi cho xử lý tài sản là cần thiết và phù hợp, đơn vị chủ trì quản lý tài sản báo cáo cơ quan có thẩm quyền duyệt chi quy định tại khoản 2 Điều này để xem xét, quyết định.

3. Đối với những vụ việc hình sự hoặc vụ việc từ hành chính chuyển sang xử lý hình sự và được cơ quan có thẩm quyền quyết định đình chỉ vụ án, trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày có quyết định đình chỉ vụ án, đơn vị chủ trì quản lý tài sản

có trách nhiệm thanh toán các chi phí có liên quan đến quản lý, xử lý tang vật bị tịch thu của vụ việc đó từ nguồn kinh phí quy định tại Điều 103 Nghị định này.

4. Việc thanh toán các khoản chi phí có liên quan đến việc tìm kiếm, thăm dò, khai quật, trục vớt, bảo quản, tìm chủ sở hữu tài sản đối với tài sản bị chôn giấu, chìm đắm thực hiện theo quy định tại Điều 104 Nghị định này.

5. Việc thanh toán chi thường hoặc thanh toán một phần giá trị tài sản cho tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản đối với tài sản chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm thực hiện theo quy định tại Điều 105 và Điều 106 Nghị định này.

Điều 104. Thanh toán các khoản chi phí có liên quan đến việc tìm kiếm, thăm dò, khai quật, trục vớt, bảo quản, tìm chủ sở hữu tài sản đối với tài sản bị chôn giấu, chìm đắm

1. Đối với trường hợp tài sản trả lại cho chủ sở hữu theo quy định tại khoản 1 Điều 89 Nghị định này thì chủ sở hữu có trách nhiệm thanh toán các khoản chi phí có liên quan đến việc tìm kiếm, thăm dò, khai quật, trục vớt, bảo quản, tìm chủ sở hữu tài sản.

2. Đối với tài sản bị chôn giấu, bị chìm đắm được tìm thấy được chuyển giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành để quản lý, xử lý; giao hoặc điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 93 Nghị định này thì cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm thanh toán các khoản chi phí có liên quan đến việc tìm kiếm, thăm dò, khai quật, trục vớt, bảo quản, tìm chủ sở hữu tài sản từ dự toán ngân sách nhà nước được giao theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Đối với tài sản bị chôn giấu, bị chìm đắm được tìm thấy được tiêu hủy thì ngân sách nhà nước chi trả; tài sản bị chôn giấu, bị chìm đắm được tìm thấy do cấp nào tổ chức xử lý thì ngân sách cấp đó chi trả.

4. Đối với tài sản bị chôn giấu, bị chìm đắm được tìm thấy được bán thì các khoản chi được sử dụng từ nguồn thu được do bán tài sản bị chôn giấu, bị chìm đắm được tìm thấy. Trường hợp số tiền thu được do bán tài sản bị chôn giấu, bị chìm đắm được tìm thấy không đủ bù đắp các khoản chi thì ngân sách nhà nước chi trả phần chênh lệch theo quy định hiện hành của pháp luật về ngân sách nhà nước.

5. Đối với tài sản chìm đắm gây nguy hiểm cho hoạt động hàng hải thì sau khi trục vớt và bán đấu giá tài sản, nếu số tiền thu được không đủ bù đắp chi phí và chủ sở hữu không có khả năng chi trả hoặc không xác định được chủ sở hữu tài sản chìm đắm thì số tiền còn thiếu được sử dụng từ phí bảo đảm hàng hải để bù đắp chi phí thiếu hụt đó; nếu chi phí trục vớt tài sản chìm đắm vượt quá khả năng chi trả của nguồn thu phí bảo đảm hàng hải thì sẽ được ngân sách nhà nước cấp bổ sung.

6. Đối với tài sản bị chôn giấu, bị chìm đắm nhưng chưa đủ điều kiện để khai quật, trục vớt thì ngân sách địa phương nơi có tài sản chịu trách nhiệm bảo đảm kinh phí để bảo vệ tài sản.

Điều 105. Thanh toán chi thường cho tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản đối với tài sản chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm

1. Tổ chức, cá nhân thuộc các trường hợp được thưởng quy định tại điểm a khoản 4 Điều 89 Nghị định này có gửi văn bản đề nghị chi thưởng tới cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tiếp nhận, bảo quản tài sản.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 điều này, cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tiếp nhận, bảo quản tài sản có trách nhiệm trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 100 Nghị định này quyết định mức thưởng cụ thể. Nội dung chủ yếu của quyết định mức thưởng gồm:

- a) Căn cứ pháp lý để chi thưởng cho tổ chức, cá nhân;
- b) Tên tổ chức, cá nhân được chi thưởng;
- c) Mức chi thưởng cho tổ chức, cá nhân;
- d) Thời hạn chi thưởng;
- đ) Cơ quan, đơn vị có trách nhiệm chi thưởng;
- e) Nguồn chi thưởng.

Quyết định được gửi cho đối tượng được hưởng, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm vụ chi thưởng, cơ quan tài chính nhà nước cùng cấp.

3. Trường hợp nguồn chi thưởng được sử dụng từ ngân sách nhà nước, nguồn thu hợp pháp của cơ quan có chức năng lưu giữ, quản lý tài sản và phí bảo đảm hàng hải thì căn cứ vào quyết định mức thưởng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 điều này, cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chi thưởng có trách nhiệm trình cấp có thẩm quyền quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền việc sử dụng các nguồn kinh phí này để chi thưởng theo quy định của pháp luật.

4. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày có quyết định mức thưởng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm chi thưởng thực hiện chi trả tiền thưởng cho tổ chức, cá nhân được thưởng theo quy định.

Điều 106. Thanh toán phần giá trị tài sản cho tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản đối với tài sản chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên

1. Đối với trường hợp tài sản trả cho tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản quy định tại khoản 2 Điều 89 Nghị định này thì tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy tài sản có trách nhiệm chi trả các khoản chi phí hợp lý có liên quan (chi phí tìm chủ sở hữu, chi phí vận chuyển, bảo quản và xác định giá trị tài sản). Trường hợp tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy tài sản không nhận tài sản hoặc không thanh toán các chi phí hợp lý có liên quan thì tài sản đó thuộc về Nhà nước.

2. Đối với trường hợp tài sản xác lập sở hữu toàn dân về tài sản quy định tại khoản 3 Điều Điều 89 Nghị định này thì việc thanh toán phần giá trị tài sản cho tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản như sau:

a) Trường hợp tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy và giao nộp tài sản có nhu cầu nhận tài sản (bằng hiện vật) mà tài sản đó không chia được thì tổ chức, cá nhân đó được nhận tài sản (bằng hiện vật), đồng thời có trách nhiệm thanh toán các khoản chi phí hợp lý có liên quan và phần giá trị tài sản thuộc về Nhà nước theo quy định tại Điều 101 Nghị định này.

b) Trường hợp tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy và giao nộp tài sản có nhu cầu nhận tài sản (bằng hiện vật) mà tài sản đó có thể chia được thì tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy tài sản được chia tài sản bằng hiện vật tương ứng với phần giá trị tài sản được hưởng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 100 Nghị định này;

c) Trường hợp tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy và giao nộp tài sản có nhu cầu nhận phần giá trị tài sản bằng tiền thì tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy tài sản được thanh toán bằng tiền phần giá trị tài sản được hưởng theo quy định tại Điều 101 Nghị định này.

3. Thủ tục thanh toán phần giá trị tài sản cho tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản như sau:

a) Tổ chức, cá nhân có văn bản đề nghị thanh toán phần giá trị tài sản được hưởng gửi tới cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tiếp nhận, bảo quản tài sản.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 điều này, cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tiếp nhận, bảo quản tài sản có trách nhiệm trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định cụ thể mức được hưởng của tổ chức, cá nhân. Nội dung chủ yếu của quyết định này gồm:

Căn cứ pháp lý để thanh toán phần giá trị của tài sản cho tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy và giao nộp tài sản;

Tên tổ chức, cá nhân được thanh toán phần giá trị của tài sản do ngẫu nhiên tìm thấy và giao nộp;

Phần giá trị của tài sản thanh toán cho tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy và giao nộp tài sản; chi phí tổ chức, cá nhân phải thanh toán (nếu có);

Hình thức thanh toán (bằng hiện vật, bằng tiền);

Thời hạn thanh toán;

Nguồn kinh phí để thanh toán (trong trường hợp thanh toán bằng tiền);

Cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thanh toán phần giá trị tài sản cho tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy và giao nộp tài sản.

Quyết định được gửi cho đối tượng được hưởng, cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thanh toán, cơ quan chuyên môn về tài chính cùng cấp.

c) Trường hợp nguồn kinh phí để thanh toán được sử dụng từ ngân sách nhà nước, nguồn thu hợp pháp của cơ quan có chức năng lưu giữ, quản lý tài sản và phí bảo đảm hàng hải thì căn cứ vào quyết định thanh toán phần giá trị tài sản cho tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy và giao nộp tài sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thanh toán có trách nhiệm trình cấp có thẩm quyền quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền việc sử dụng các nguồn kinh phí này để thanh toán theo quy định của pháp luật.

d) Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày có quyết định mức được hưởng của tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy và giao nộp tài sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thanh toán thực hiện việc thanh toán phần giá trị tài sản cho tổ chức, cá nhân được hưởng theo quy định.

Điều 107. Quản lý số tiền thu được từ việc xử lý tài sản

1. Đơn vị được giao tổ chức xử lý tài sản có trách nhiệm nộp toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản được nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc nhà nước do cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công làm chủ tài khoản như sau:

a) Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công thuộc Bộ Tài chính đối với tài sản do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án xử lý tài sản;

a) Sở Tài chính nơi xử lý tài sản đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân do người có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh phê duyệt phương án xử lý và tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc trung ương phê duyệt phương án xử lý tài sản, trừ các tài sản quy định tại điểm a khoản này;

b) Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện nơi xử lý tài sản đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân do người có thẩm quyền thuộc cấp huyện, cấp xã phê duyệt phương án xử lý tài sản.

2. Số tiền nộp vào tài khoản tạm giữ quy định tại khoản 1 Điều này sau khi trừ đi các khoản chi quy định tại Điều 98 Nghị định này, số tiền còn lại được nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Trường hợp đơn vị được giao tổ chức xử lý tài sản thuộc trung ương thì số tiền quy định tại khoản này được nộp vào ngân sách trung ương.

Trường hợp đơn vị được giao tổ chức xử lý tài sản thuộc địa phương thì số tiền quy định tại khoản này được nộp vào ngân sách địa phương.

Chương X

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ TÀI SẢN ĐƯỢC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN

Điều 108. Chế độ báo cáo về tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Tất cả tài sản khi được xác lập quyền sở hữu toàn dân đều phải được báo cáo cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công và được kê khai, cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công để quản lý thống nhất.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định tịch thu hoặc quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, đơn vị chủ trì quản lý tài sản thực hiện báo cáo kê khai, cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc xử lý tài sản theo phương án xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền, đơn vị chủ trì quản lý tài sản thực hiện cập nhật kết quả xử lý tài sản vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

4. Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công có trách nhiệm báo cáo về tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 109. Cơ sở dữ liệu về tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Quản lý, khai thác Cơ sở dữ liệu về tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân:

a) Cơ sở dữ liệu về tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân là một bộ phận của Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công, được xây dựng và quản lý thống nhất trên phạm vi cả nước.

b) Thông tin trong Cơ sở dữ liệu về tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được cơ quan có thẩm quyền cung cấp có giá trị pháp lý như trong hồ sơ dạng giấy.

c) Cơ sở dữ liệu về tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân là tài sản của công, phải được đảm bảo an ninh, an toàn chặt chẽ; nghiêm cấm mọi hành vi truy cập trái phép, phá hoại, làm sai lệch thông tin trong Cơ sở dữ liệu về tài sản.

d) Việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về công trình phải thực hiện theo đúng quy định; không được tự ý khai thác, sử dụng thông tin khi chưa được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

đ) Nội dung, cấu trúc, phương thức nhập liệu và khai thác Cơ sở dữ liệu về tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Trách nhiệm xây dựng Cơ sở dữ liệu về tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

a) Bộ Tài chính có trách nhiệm tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu về tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

b) Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo báo cáo kê khai, thực hiện cập nhật thông tin, bảo đảm kết nối, tích hợp với Cơ sở dữ liệu về tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

Chương XI **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 110. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, nhưng chưa được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý thì thực hiện việc quản lý, xử lý theo quy định tại Nghị định này. Trường hợp tài sản đã có quyết định phê duyệt phương án xử lý trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa hoàn thành việc xử lý thì tiếp tục xử lý và quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản theo quy định tại Nghị định này.

2. Đối với tài sản là vàng, bạc, đá quý, kim loại quý đã tạm bàn giao cho Kho bạc Nhà nước để bảo quản thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập phương án xử lý bán đấu giá, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Nghị định này và tổ chức thực hiện bán để nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

Trường hợp tài sản là vàng, bạc, đá quý, kim loại quý đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý là giao cho Kho bạc Nhà nước để quản lý, xử lý theo quy định tại Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ thì Kho bạc Nhà nước tổ chức thực hiện bán đấu giá để nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

Điều 111. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 5 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định về thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản và quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành quy định về phân cấp quản lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Nghị định này để tổ chức thực hiện.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (2). XII

Phạm Minh Chính